

**DANH SÁCH CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP
KHÓA 2016 CAO ĐẲNG VÀ CÁC KHÓA CŨ
THÁNG 10 NĂM 2019**

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
1	Võ Tổng Hồng Quang	13CD-Đ2	25/12/1995	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002698	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9861	17/10/2019			
2	Phạm Cao Hữu Tinh	13CD-Đ2	04/6/1995	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002699	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9862	17/10/2019			
3	Vũ Hứa Minh Tân	13CD-ĐT1	21/10/1995	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002700	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9863	17/10/2019			
4	Nguyễn Tuấn Thanh	13CD-Ô2	01/3/1995	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002701	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9864	17/10/2019			
5	Nguyễn Trọng Hữu	14CĐĐC02	25/6/1996	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002702	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9865	17/10/2019			
6	Lưu Văn Hiếu	14CĐĐT02	29/9/1995	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002703	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9866	17/10/2019			
7	Cao Duy Nhân	14CĐNL01	18/5/1996	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002704	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9867	17/10/2019			
8	Đỗ Vũ Thanh Sang	14CĐNL01	07/10/1995	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002705	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9868	17/10/2019			
9	Lê Xuân Vĩ	14CĐNL01	25/9/1994	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002706	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9869	17/10/2019			
10	Trương Văn Hiên	14CĐCK02	10/6/1996	Nam	Kinh	Quảng Nam	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002707	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9870	17/10/2019			
11	Ngô Quốc Hào	14CĐOT02	17/4/1994	Nam	Kinh	Thừa Thiên -Huế	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002708	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9871	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
12	Đỗ Văn Phúc	14CĐOT02	19/7/1995	Nam	Kinh	Gia Lai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002709	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9872	17/10/2019			
13	Hoàng Đình Sỹ	14CĐOT02	10/9/1996	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002710	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9873	17/10/2019			
14	Nguyễn Ngọc Triết	14CĐOT02	22/11/1996	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002711	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9874	17/10/2019			
15	Nguyễn Tuấn Dũng	14CĐOT03	19/5/1996	Nam	Kinh	Bắc Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002712	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9875	17/10/2019			
16	Nguyễn Long Hùng	14CĐOT04	04/4/1996	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002713	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9876	17/10/2019			
17	Nguyễn Bá Duy	15CĐ-ĐCN1	09/10/1997	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002714	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9877	17/10/2019			
18	Nguyễn Đình Duy	15CĐ-ĐCN1	07/3/1995	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002715	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9878	17/10/2019			
19	Lê Đức Dương	15CĐ-ĐCN1	02/02/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002716	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	9879	17/10/2019			
20	Phạm Văn Hải	15CĐ-ĐCN1	22/01/1993	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002717	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9880	17/10/2019			
21	Trương Công Hiếu	15CĐ-ĐCN1	12/01/1997	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002718	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9881	17/10/2019			
22	Trần Khánh Linh	15CĐ-ĐCN1	04/8/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002719	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9882	17/10/2019			
23	Trần Phi Long	15CĐ-ĐCN1	09/3/1997	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002720	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9883	17/10/2019			
24	Lê Văn Phi	15CĐ-ĐCN1	14/02/1996	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002721	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	9884	17/10/2019			
25	Nguyễn Ngọc Phương	15CĐ-ĐCN1	07/5/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002722	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9885	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
26	Nguyễn Minh Tiến	15CĐ-ĐCN1	13/12/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002723	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9886	17/10/2019			
27	Vũ A Thâm	15CĐ-ĐCN1	30/6/1996	Nam	Chăm	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002724	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9887	17/10/2019			
28	Nguyễn Nhật Trường	15CĐ-ĐCN1	31/5/1997	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002725	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9888	17/10/2019			
29	Lê Đức Doanh	15CĐ-ĐCN2	22/4/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002726	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9889	17/10/2019			
30	Đinh Minh Đạt	15CĐ-ĐCN2	14/01/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002727	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9890	17/10/2019			
31	Phạm Minh Đây	15CĐ-ĐCN2	16/10/1996	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002728	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9891	17/10/2019			
32	Nguyễn Minh Hải	15CĐ-ĐCN2	16/02/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002729	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9892	17/10/2019			
33	Lâm Tuấn Minh	15CĐ-ĐCN2	13/8/1997	Nam	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002730	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9893	17/10/2019			
34	Lê Hoài Nam	15CĐ-ĐCN2	02/7/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002731	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9894	17/10/2019			
35	Lê Tuấn Thắng	15CĐ-ĐCN2	20/6/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002732	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9895	17/10/2019			
36	Nguyễn Văn Dao	15CĐ-ĐCN3	08/8/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002733	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9896	17/10/2019			
37	Đặng Hoàng Long	15CĐ-ĐCN3	01/6/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002734	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9897	17/10/2019			
38	Phạm Minh Luân	15CĐ-ĐCN3	17/11/1996	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002735	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9898	17/10/2019			
39	Hồ Văn Phúc	15CĐ-ĐCN3	04/4/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002736	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	9899	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
40	Dương Tiến	Thành	15CD-ĐCN3	02/5/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002737	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9900	17/10/2019			
41	Nguyễn Phước	Thành	15CD-ĐCN3	15/11/1996	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002738	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	9901	17/10/2019			
42	Nguyễn Văn	Long	15CD-ĐCN4	15/4/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002739	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9902	17/10/2019			
43	Trần Ngọc	Tài	15CD-ĐCN4	12/8/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002740	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9903	17/10/2019			
44	Nguyễn Quang	Thắng	15CD-ĐCN4	04/10/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002741	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9904	17/10/2019			
45	Trần Thiên	Định	15CD-ĐTCN1	17/8/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002742	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9905	17/10/2019			
46	Nguyễn Đình	Luân	15CD-ĐTCN1	17/01/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002743	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9906	17/10/2019			
47	Vũ Nhật	Nam	15CD-ĐTCN1	17/01/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002744	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9907	17/10/2019			
48	Mai Đức	Toàn	15CD-ĐTCN1	13/8/1997	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002745	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9908	17/10/2019			
49	Vương Quốc Bảo	Thông	15CD-ĐTCN1	22/5/1997	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002746	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9909	17/10/2019			
50	Trần Phùng	Trung	15CD-ĐTCN1	31/8/1997	Nam	Kinh	Hà Nội	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002747	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9910	17/10/2019			
51	Nguyễn Thanh	Hoàng	15CD-TĐH1	20/02/1996	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002748	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9911	17/10/2019			
52	Bùi Quang	Minh	15CD-TĐH1	12/8/1997	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002749	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9912	17/10/2019			
53	Trần Quốc	Cường	15CD-ĐL1	26/6/1997	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002750	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9913	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
54	Trần Anh Kiệt	15CĐ-ĐL1	05/5/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002751	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9914	17/10/2019			
55	Mai Hữu Lộc	15CĐ-ĐL1	23/11/1996	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002752	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9915	17/10/2019			
56	Phan Hoàng Phát	15CĐ-ĐL2	26/11/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002753	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9916	17/10/2019			
57	Phạm Hồng Sơn	15CĐ-ĐL2	26/9/1997	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002754	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9917	17/10/2019			
58	Nguyễn Hải Thiện	15CĐ-ĐL2	05/12/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002755	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9918	17/10/2019			
59	Huỳnh Đức Trọng	15CĐ-ĐL2	09/3/1997	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002756	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9919	17/10/2019			
60	Nguyễn Văn Điều	15CĐ-CD1	13/11/1996	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002757	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9920	17/10/2019			
61	Phan Trọng Bằng	15CĐ-CĐT1	28/9/1997	Nam	Kinh	Nam Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002758	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9921	17/10/2019			
62	Vũ Thanh Hải	15CĐ-CĐT1	02/4/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002759	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9922	17/10/2019			
63	Nguyễn Minh Hoàng	15CĐ-CĐT1	30/11/1997	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002760	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9923	17/10/2019			
64	Võ Văn Hùng	15CĐ-CĐT1	16/12/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002761	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9924	17/10/2019			
65	Nguyễn Xuân Hương	15CĐ-CTM1	24/3/1996	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002762	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9925	17/10/2019			
66	Trần Quốc Lộc	15CĐ-CTM1	16/02/1996	Nam	Kinh	Sóc Trăng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002763	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9926	17/10/2019			
67	Võ Cẩm Sinh	15CĐ-CTM1	08/3/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002764	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9927	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
68	Phan Văn Tiên	15CĐ-CTM1	02/02/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002765	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9928	17/10/2019			
69	Lê Ngọc Thành	15CĐ-CTM1	22/3/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002766	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9929	17/10/2019			
70	Lê Minh Thuận	15CĐ-CTM1	03/5/1997	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002767	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9930	17/10/2019			
71	Trịnh Duy Thúc	15CĐ-CTM1	11/10/1996	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002768	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9931	17/10/2019			
72	Cao Văn Sinh	15CĐ-CTM2	05/9/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002769	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9932	17/10/2019			
73	Dương Minh Tâm	15CĐ-CTM2	31/5/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002770	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9933	17/10/2019			
74	Phạm Văn Cường	15CĐ-CTM3	13/01/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002771	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9934	17/10/2019			
75	Đỗ Văn Hậu	15CĐ-CTM3	14/02/1997	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002772	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9935	17/10/2019			
76	Lê Tuấn Linh	15CĐ-CTM3	26/11/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002773	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9936	17/10/2019			
77	Huỳnh Trọng Nghĩa	15CĐ-CTM3	02/5/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002774	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9937	17/10/2019			
78	Bạch Anh Tâm	15CĐ-CTM3	25/7/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002775	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9938	17/10/2019			
79	Trần Quốc Tuấn	15CĐ-CTM3	22/02/1996	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002776	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9939	17/10/2019			
80	Võ Quang Thiên	15CĐ-CTM3	09/11/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002777	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9940	17/10/2019			
81	Trần Châu Đạt	15CĐ-CTM4	20/5/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002778	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9941	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
82	Trương Thái	Cường	15CD-CTM5	11/10/1997	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002779	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9942	17/10/2019			
83	Trần Đình	Hùng	15CD-CTM5	30/4/1996	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002780	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9943	17/10/2019			
84	Nguyễn Việt	Bách	15CD-Ô1	19/10/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002781	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9944	17/10/2019			
85	Trương Quốc	Bảo	15CD-Ô1	27/6/1997	Nam	Kinh	Gia Lai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002782	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9945	17/10/2019			
86	Hồ Phước	Hoài	15CD-Ô1	10/3/1996	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002783	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9946	17/10/2019			
87	Nguyễn Đức	Hiền	15CD-Ô2	08/5/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002784	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9947	17/10/2019			
88	Nguyễn Phạm An	Khang	15CD-Ô2	27/11/1997	Nam	Kinh	Vĩnh Long	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002785	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9948	17/10/2019			
89	Hồ Trần	Anh	15CD-Ô3	02/7/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002786	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9949	17/10/2019			
90	Đỗ Võ Duy	Khương	15CD-Ô3	15/7/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002787	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9950	17/10/2019			
91	Nguyễn	Tín	15CD-Ô3	04/7/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002788	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9951	17/10/2019			
92	Nguyễn Minh	Bảo	15CD-Ô5	02/10/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002789	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9952	17/10/2019			
93	Đặng Khánh	Hoàng	15CD-Ô5	10/11/1997	Nam	Kinh	Vĩnh Long	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002790	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9953	17/10/2019			
94	Lương Tấn	Tân	15CD-Ô5	09/12/1997	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002791	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9954	17/10/2019			
95	Nguyễn Ngọc	Thạo	15CD-Ô5	13/11/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002792	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9955	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
96	Phạm Văn Đoan	15CĐ-Ô6	07/02/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002793	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9956	17/10/2019			
97	Trần Thanh Khang	15CĐ-Ô6	27/4/1997	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002795	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9957	17/10/2019			
98	Vưu Thiên Phú	15CĐ-Ô6	01/01/1997	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002796	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9958	17/10/2019			
99	Bùi Trung Kiên	15CĐ-TM1	11/7/1997	Nam	Kinh		2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002797	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9959	17/10/2019			
100	Trần Đăng Khoa	15CĐ-TM1	18/7/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002798	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9960	17/10/2019			
101	Phan Thanh Phương	15CĐ-TM1	18/4/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002799	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9961	17/10/2019			
102	Nguyễn Duy Tân	15CĐ-TM1	05/9/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002800	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	9962	17/10/2019			
103	Hồ Anh Luân	15CĐ-TM2	26/12/1997	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002801	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9963	17/10/2019			
104	Lê Ngọc Thành	15CĐ-TM2	30/11/1990	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002802	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9964	17/10/2019			
105	Nguyễn Chánh Tấn	15CĐ-TP1	25/8/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002803	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9965	17/10/2019			
106	Trịnh Ngọc Kim Ngân	15CĐ-TP2	27/9/1996	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002804	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9966	17/10/2019			
107	Nguyễn Tuấn Vũ	15CĐ-TP2	15/10/1997	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002805	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9967	17/10/2019			
108	Huỳnh Hồ Hải	15CĐ-TW	06/9/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002806	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	9968	17/10/2019			
109	Nguyễn Hoàng Huy	15CĐ-TW	05/3/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002807	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9969	17/10/2019			
110	Nguyễn Thị Ngọc Kim	15CĐ-TW	29/10/1997	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002808	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9970	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
111	Bùi Thế	Anh	16CD-ĐCN1	06/12/1998	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002809	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9971	17/10/2019			
112	Nguyễn Văn	Anh	16CD-ĐCN1	12/10/1997	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002810	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9972	17/10/2019			
113	Cao Hoài	Ân	16CD-ĐCN1	04/7/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002811	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9973	17/10/2019			
114	Hồ Xuân	Bảo	16CD-ĐCN1	29/9/1997	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002812	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	9974	17/10/2019			
115	Thái Xuân	Cầu	16CD-ĐCN1	28/4/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002813	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9975	17/10/2019			
116	Đặng Xuân	Chương	16CD-ĐCN1	19/01/1998	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002814	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9976	17/10/2019			
117	Dương Quốc	Danh	16CD-ĐCN1	11/02/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002815	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	9977	17/10/2019			
118	Trần Quốc	Đạt	16CD-ĐCN1	16/10/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002816	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9978	17/10/2019			
119	Trần Thành	Đạt	16CD-ĐCN1	19/4/1998	Nam	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002817	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	9979	17/10/2019			
120	Nguyễn Thanh	Đệ	16CD-ĐCN1	03/8/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002818	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9980	17/10/2019			
121	Nguyễn Trường	Giang	16CD-ĐCN1	21/9/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002819	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9981	17/10/2019			
122	Trần Phú	Hảo	16CD-ĐCN1	1998	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002820	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9982	17/10/2019			
123	Tô Ngọc	Hân	16CD-ĐCN1	23/10/1998	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002821	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9983	17/10/2019			
124	Nguyễn Văn	Hoàng	16CD-ĐCN1	12/3/1998	Nam	Kinh	Hải Dương	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002822	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9984	17/10/2019			
125	Mã Văn	Học	16CD-ĐCN1	22/6/1997	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002823	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9985	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
126	Bùi Thiện	Hữu	16CD-ĐCN1	08/01/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002824	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9986	17/10/2019			
127	Bùi Duy	Khang	16CD-ĐCN1	09/5/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002825	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9987	17/10/2019			
128	Nguyễn Thành	Lễ	16CD-ĐCN1	29/8/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002826	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9988	17/10/2019			
129	Nguyễn Bá	Nghiep	16CD-ĐCN1	31/12/1998	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002827	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9989	17/10/2019			
130	Trần Công Bảo	Ngọc	16CD-ĐCN1	10/4/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002828	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9990	17/10/2019			
131	Lâm Cao	Nguyên	16CD-ĐCN1	28/11/1998	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002829	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	9991	17/10/2019			
132	Dương Hữu	Nhân	16CD-ĐCN1	07/8/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002830	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9992	17/10/2019			
133	Đỗ Anh	Pháp	16CD-ĐCN1	12/4/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002831	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	9993	17/10/2019			
134	Nguyễn Hoàng	Phúc	16CD-ĐCN1	15/10/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002832	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9994	17/10/2019			
135	Nguyễn Minh	Quang	16CD-ĐCN1	10/01/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002833	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9995	17/10/2019			
136	Nguyễn Văn Mạnh	Tiến	16CD-ĐCN1	17/4/1998	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002834	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	9996	17/10/2019			
137	Đình Quốc	Toàn	16CD-ĐCN1	12/6/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002835	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9997	17/10/2019			
138	Huỳnh Văn	Thảo	16CD-ĐCN1	15/8/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002836	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9998	17/10/2019			
139	Nguyễn Quốc	Thắng	16CD-ĐCN1	10/12/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002837	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	9999	17/10/2019			
140	Huỳnh Chí	Thuấn	16CD-ĐCN1	27/10/1996	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002838	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10000	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
141	Trần Bình Trọng	16CD-ĐCN1	13/10/1993	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002839	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10001	17/10/2019			
142	Lê Phạm Hùng Anh	16CD-ĐCN2	21/8/1994	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002840	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10002	17/10/2019			
143	Nguyễn Khánh Bằng	16CD-ĐCN2	05/9/1998	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002841	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10003	17/10/2019			
144	Hồ Văn Trường Duy	16CD-ĐCN2	18/02/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002842	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10004	17/10/2019			
145	Trương Thành Đạt	16CD-ĐCN2	19/10/1996	Nam	Kinh	Cà Mau	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002843	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10005	17/10/2019			
146	Dương Thanh Hải	16CD-ĐCN2	10/6/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002844	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10006	17/10/2019			
147	Nguyễn Văn Hậu	16CD-ĐCN2	18/10/1998	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002845	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10007	17/10/2019			
148	Hoàng Đăng Khoa	16CD-ĐCN2	07/6/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002846	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10008	17/10/2019			
149	Phạm Hữu Lập	16CD-ĐCN2	29/12/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002847	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10009	17/10/2019			
150	Phạm Lợi	16CD-ĐCN2	15/7/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002848	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10010	17/10/2019			
151	Nguyễn Thành Luân	16CD-ĐCN2	13/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002849	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10011	17/10/2019			
152	Huỳnh Nhật Minh	16CD-ĐCN2	03/12/1997	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002850	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10012	17/10/2019			
153	Trần Phú Nam	16CD-ĐCN2	16/8/1998	Nam	Kinh	Gia Lai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002851	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10013	17/10/2019			
154	Nguyễn Cao Nghĩa	16CD-ĐCN2	06/4/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002852	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10014	17/10/2019			
155	Trần Trọng Nhân	16CD-ĐCN2	03/11/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002853	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10015	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
156	Phạm Duy Phúc	16CD-ĐCN2	26/5/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002854	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10016	17/10/2019			
157	Phạm Vinh Quang	16CD-ĐCN2	03/11/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002855	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10017	17/10/2019			
158	Nguyễn Hữu Tâm	16CD-ĐCN2	30/6/1998	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002856	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10018	17/10/2019			
159	Bùi Thanh Tiễn	16CD-ĐCN2	16/3/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002857	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10019	17/10/2019			
160	Trương Thanh Tiến	16CD-ĐCN2	13/10/1997	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002858	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10020	17/10/2019			
161	Nguyễn Văn Tú	16CD-ĐCN2	13/12/1998	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002859	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10021	17/10/2019			
162	Phan Việt Trung	16CD-ĐCN2	02/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002860	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10022	17/10/2019			
163	Lương Thế Vinh	16CD-ĐCN2	01/5/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002861	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10023	17/10/2019			
164	Võ Ngọc Hoàng Vũ	16CD-ĐCN2	27/5/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002862	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10024	17/10/2019			
165	Nguyễn Thị Phi Yến	16CD-ĐCN2	29/01/1998	Nữ	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002863	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10025	17/10/2019			
166	Trần Phong Hoài	16CD-ĐCN3	18/02/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002864	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10026	17/10/2019			
167	Hồ Quang Hợp	16CD-ĐCN3	11/3/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002865	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10027	17/10/2019			
168	Đỗ Khắc Huy	16CD-ĐCN3	05/5/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Giỏi	CQ	B1002866	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10028	17/10/2019			
169	Lê Anh Kiệt	16CD-ĐCN3	02/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002867	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10029	17/10/2019			
170	Nguyễn Văn Khải	16CD-ĐCN3	26/6/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002868	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10030	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
171	Nguyễn Văn	Mẫn	16CD-ĐCN3	27/02/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002869	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10031	17/10/2019			
172	Trần Trọng	Nghĩa	16CD-ĐCN3	19/10/1997	Nam	Kinh	Cà Mau	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002870	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10032	17/10/2019			
173	Võ Văn Trung	Nguyễn	16CD-ĐCN3	20/10/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002871	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10033	17/10/2019			
174	Phạm Bá	Quỳnh	16CD-ĐCN3	10/4/1998	Nam	Kinh	Quảng Bình	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002872	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10034	17/10/2019			
175	Đoàn Tích	Tấn	16CD-ĐCN3	08/8/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002873	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10035	17/10/2019			
176	Phạm Hoàng	Tuấn	16CD-ĐCN3	18/11/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002874	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10036	17/10/2019			
177	Nguyễn Văn	Trọng	16CD-ĐCN3	05/5/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002875	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10037	17/10/2019			
178	Nguyễn Thành	Vinh	16CD-ĐCN3	05/7/1997	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002876	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10038	17/10/2019			
179	Nguyễn Hoàng	Bảo	16CD-ĐCN4	29/11/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002877	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10039	17/10/2019			
180	Nguyễn Thành	Công	16CD-ĐCN4	19/11/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002878	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10040	17/10/2019			
181	Phạm Đình	Chương	16CD-ĐCN4	29/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002879	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10041	17/10/2019			
182	Lê Trí	Dũng	16CD-ĐCN4	14/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002880	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10042	17/10/2019			
183	Huỳnh Khánh	Duy	16CD-ĐCN4	16/11/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002881	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10043	17/10/2019			
184	Nguyễn Hoàng Thái	Duy	16CD-ĐCN4	11/5/1998	Nam	Kinh	Quảng Trị	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002882	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10044	17/10/2019			
185	Trần Minh	Đăng	16CD-ĐCN4	06/02/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002883	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10045	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
186	Huỳnh Tuấn	Hải	16CD-ĐCN4	20/11/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002884	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10046	17/10/2019			
187	Đỗ Nhật	Hào	16CD-ĐCN4	21/6/1998	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002885	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10047	17/10/2019			
188	Lê Minh	Hậu	16CD-ĐCN4	25/10/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002886	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10048	17/10/2019			
189	Trần Ngọc	Hiếu	16CD-ĐCN4	24/12/1997	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002887	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10049	17/10/2019			
190	Trương Thiện	Hiếu	16CD-ĐCN4	01/5/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002888	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10050	17/10/2019			
191	Nguyễn Xuân	Hoàng	16CD-ĐCN4	23/6/1998	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002889	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10051	17/10/2019			
192	Lê Văn	Huyền	16CD-ĐCN4	28/12/1997	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002890	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10052	17/10/2019			
193	Ngô Tựu	Kế	16CD-ĐCN4	06/8/1998	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002891	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10053	17/10/2019			
194	Nguyễn Phạm Thành	Long	16CD-ĐCN4	15/9/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002892	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10054	17/10/2019			
195	Đặng Thành	Nhân	16CD-ĐCN4	20/9/1997	Nam	Kinh	Gia Lai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002893	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10055	17/10/2019			
196	Trương Tấn	Phát	16CD-ĐCN4	23/4/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002894	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10056	17/10/2019			
197	Nguyễn Trọng	Quốc	16CD-ĐCN4	05/6/1995	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002895	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10057	17/10/2019			
198	Trương Văn	Toàn	16CD-ĐCN4	19/01/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002896	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10058	17/10/2019			
199	Nguyễn Châu	Thiện	16CD-ĐCN4	25/12/1997	Nam	Kinh	Gia Lai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002897	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10059	17/10/2019			
200	Nguyễn Ngọc	Thuận	16CD-ĐCN4	25/01/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002898	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10060	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
201	Nguyễn Văn Trí	16CD-ĐCN4	15/02/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002899	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10061	17/10/2019			
202	Đặng Tấn Vũ	16CD-ĐCN4	01/02/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002900	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10062	17/10/2019			
203	Đào Thanh An	16CD-ĐCN5	28/4/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002901	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10063	17/10/2019			
204	Du Quốc Bảo	16CD-ĐCN5	01/10/1998	Nam	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002902	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10064	17/10/2019			
205	Lê Tấn Phú Cường	16CD-ĐCN5	15/3/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002903	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10065	17/10/2019			
206	Nguyễn Văn Cường	16CD-ĐCN5	04/8/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002904	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10066	17/10/2019			
207	Tô Hoài Dương	16CD-ĐCN5	11/7/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002905	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10067	17/10/2019			
208	Trần Văn Đức	16CD-ĐCN5	22/7/1998	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002906	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10068	17/10/2019			
209	Đặng Thanh Hà	16CD-ĐCN5	13/9/1998	Nam	Kinh	Gia Lai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002907	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10069	17/10/2019			
210	Đình Thái Hậu	16CD-ĐCN5	28/4/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002908	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10070	17/10/2019			
211	Lê Minh Hậu	16CD-ĐCN5	18/9/1998	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002909	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10071	17/10/2019			
212	Lê Thanh Hiền	16CD-ĐCN5	22/7/1995	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002910	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10072	17/10/2019			
213	Lê Thiên Hoàng	16CD-ĐCN5	15/5/1996	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002911	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10073	17/10/2019			
214	Trần Minh Hoàng	16CD-ĐCN5	07/4/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002912	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10074	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
215	Nguyễn Bá Khanh	16CD-ĐCN5	03/11/1997	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002913	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10075	17/10/2019			
216	Trần Đức Khánh	16CD-ĐCN5	17/11/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002914	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10076	17/10/2019			
217	Bùi Văn Khuân	16CD-ĐCN5	30/10/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002915	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10077	17/10/2019			
218	Nguyễn Văn Linh	16CD-ĐCN5	24/7/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002916	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10078	17/10/2019			
219	Huỳnh Ngọc Tuyết Minh	16CD-ĐCN5	23/11/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002917	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10079	17/10/2019			
220	Nguyễn Hoài Nam	16CD-ĐCN5	10/8/1998	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002918	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10080	17/10/2019			
221	Trần Ngọc Nhân	16CD-ĐCN5	21/12/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002919	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10081	17/10/2019			
222	Mai Văn Nhật	16CD-ĐCN5	06/01/1996	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002920	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10082	17/10/2019			
223	Lê Đình Phú	16CD-ĐCN5	19/8/1998	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002921	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10083	17/10/2019			
224	Nguyễn Hữu Phúc	16CD-ĐCN5	24/10/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002922	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10084	17/10/2019			
225	Bùi Minh Phụng	16CD-ĐCN5	11/01/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002923	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10085	17/10/2019			
226	Trần Đăng Quân	16CD-ĐCN5	14/10/1998	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002924	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10086	17/10/2019			
227	Trần Minh Tiến	16CD-ĐCN5	04/10/1994	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002925	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10087	17/10/2019			
228	Đỗ Cao Vũ	16CD-ĐCN5	24/10/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002926	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10088	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
229	Nguyễn Đào Thái Bảo	16CD-ĐTCN1	02/7/1998	Nam	Kinh	Cần Thơ	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002927	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10089	17/10/2019			
230	Phạm Võ Công Bảo	16CD-ĐTCN1	01/11/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002928	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10090	17/10/2019			
231	Nguyễn Quang Cảnh	16CD-ĐTCN1	19/5/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002929	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10091	17/10/2019			
232	Hoàng Đình Chuyên	16CD-ĐTCN1	10/9/1998	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002930	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10092	17/10/2019			
233	Nguyễn Phương Duy	16CD-ĐTCN1	12/8/1997	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002931	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10093	17/10/2019			
234	Phan Vĩnh Đạt	16CD-ĐTCN1	04/01/1998	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002932	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10094	17/10/2019			
235	Lê Hải Đăng	16CD-ĐTCN1	05/10/1998	Nam	Kinh	Bạc Liêu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002933	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10095	17/10/2019			
236	Nguyễn Việt Đức	16CD-ĐTCN1	12/7/1998	Nam	Kinh	Quảng Nam	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002934	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10096	17/10/2019			
237	Bùi Đức Hoàng	16CD-ĐTCN1	18/7/1998	Nam	Kinh	Thanh Hoá	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002935	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10097	17/10/2019			
238	Nguyễn Văn Hồ	16CD-ĐTCN1	26/6/1997	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002936	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10098	17/10/2019			
239	Nguyễn Phạm Quốc Huy	16CD-ĐTCN1	07/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002937	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10099	17/10/2019			
240	Nguyễn Văn Huy	16CD-ĐTCN1	21/01/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002938	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10100	17/10/2019			
241	Phùng Gia Huy	16CD-ĐTCN1	03/11/1998	Nam	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002939	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10101	17/10/2019			
242	Tô Xuân Hường	16CD-ĐTCN1	03/4/1997	Nam	Kinh	Đắk Nông	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002940	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10102	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
243	Mai Trung Long	16CD-ĐTCN1	25/9/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002941	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10103	17/10/2019			
244	Nguyễn Văn Nghi	16CD-ĐTCN1	15/4/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002942	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10104	17/10/2019			
245	Phan Thanh Nhân	16CD-ĐTCN1	14/11/1997	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002943	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10105	17/10/2019			
246	Nguyễn Duy Phát	16CD-ĐTCN1	24/8/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002944	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10106	17/10/2019			
247	Trần Kim Phát	16CD-ĐTCN1	16/6/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002945	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10107	17/10/2019			
248	Huỳnh Trúc Phương	16CD-ĐTCN1	06/8/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002946	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10108	17/10/2019			
249	Đỗ Hồng Quân	16CD-ĐTCN1	11/02/1998	Nam	Kinh	Thanh Hoá	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002947	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10109	17/10/2019			
250	Bùi Hoàng Sơn	16CD-ĐTCN1	24/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002948	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10110	17/10/2019			
251	Nguyễn Hữu Tài	16CD-ĐTCN1	05/8/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002949	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10111	17/10/2019			
252	Trần Chí Tài	16CD-ĐTCN1	20/5/1994	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002950	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10112	17/10/2019			
253	Phạm Quốc Toàn	16CD-ĐTCN1	18/5/1998	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002951	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10113	17/10/2019			
254	Trần Văn Tùng	16CD-ĐTCN1	20/5/1994	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002952	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10114	17/10/2019			
255	Nguyễn Văn Thắng	16CD-ĐTCN1	14/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002953	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10115	17/10/2019			
256	Tô Minh Trung	16CD-ĐTCN1	16/8/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002954	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10116	17/10/2019			
257	Nguyễn Thanh Văn	16CD-ĐTCN1	12/01/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002955	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10117	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
258	Vũ Hoài Ân	16CD-TĐH1	03/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002956	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10118	17/10/2019			
259	Giang Duy Cẩm	16CD-TĐH1	14/02/1998	Nam	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002957	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10119	17/10/2019			
260	Hà Vũ Hoàng Duy	16CD-TĐH1	15/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002958	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10120	17/10/2019			
261	Nguyễn Ngọc Được	16CD-TĐH1	06/3/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002959	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10121	17/10/2019			
262	Mai Thanh Hải	16CD-TĐH1	02/10/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002960	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10122	17/10/2019			
263	Trương Thế Hào	16CD-TĐH1	22/5/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002961	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10123	17/10/2019			
264	Trịnh Nguyên Hoàng	16CD-TĐH1	04/8/1994	Nam	Kinh	Hà Nội	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002962	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10124	17/10/2019			
265	Nguyễn Tấn Huy	16CD-TĐH1	23/6/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002963	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10125	17/10/2019			
266	Phan Văn Kiệt	16CD-TĐH1	28/3/1997	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002964	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10126	17/10/2019			
267	Phạm Anh Khoa	16CD-TĐH1	12/01/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002965	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10127	17/10/2019			
268	Đào Nhựt Linh	16CD-TĐH1	10/4/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002966	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10128	17/10/2019			
269	Lê Văn Lộc	16CD-TĐH1	12/02/1996	Nam	Kinh	Quảng Trị	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002967	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10129	17/10/2019			
270	Đào Thị Tú My	16CD-TĐH1	28/10/1998	Nữ	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002968	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10130	17/10/2019			
271	Lê Hiếu Nghĩa	16CD-TĐH1	13/02/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002969	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10131	17/10/2019			
272	Nguyễn Văn Nhật	16CD-TĐH1	25/10/1998	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002970	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10132	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
273	Đồng Kiến Phát	16CD-TĐH1	13/01/1998	Nam	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002971	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10133	17/10/2019			
274	Nguyễn Văn Phúc	16CD-TĐH1	22/12/1996	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002972	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10134	17/10/2019			
275	Tăng Thành Phúc	16CD-TĐH1	11/12/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002973	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10135	17/10/2019			
276	Nguyễn Bá Phụng	16CD-TĐH1	27/02/1997	Nam	Kinh	Hà Nam	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002974	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10136	17/10/2019			
277	Lê Thành Quang	16CD-TĐH1	03/5/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002975	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10137	17/10/2019			
278	Nguyễn Danh Quyền	16CD-TĐH1	14/8/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002976	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10138	17/10/2019			
279	Tăng Minh Tính	16CD-TĐH1	02/7/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002977	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10139	17/10/2019			
280	Lê Nguyễn Anh Tuấn	16CD-TĐH1	06/12/1995	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002978	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10140	17/10/2019			
281	Trần Anh Tuấn	16CD-TĐH1	05/02/1996	Nam	Kinh	Thái Bình	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002979	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10141	17/10/2019			
282	Nguyễn Thanh Tùng	16CD-TĐH1	10/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002980	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10142	17/10/2019			
283	Nguyễn Đình Thắng	16CD-TĐH1	21/4/1998	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002981	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10143	17/10/2019			
284	Thân Văn Trí	16CD-TĐH1	29/5/1998	Nam	Kinh	Cần Thơ	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002982	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10144	17/10/2019			
285	Lê Đình Văn	16CD-TĐH1	05/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002983	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10145	17/10/2019			
286	Hoàng Trọng Vinh	16CD-TĐH1	29/12/1994	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002984	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10146	17/10/2019			
287	Võ Hoàng Vinh	16CD-TĐH1	07/8/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002985	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10147	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
288	Trần Quốc	An	16CĐ-ĐL1	11/7/1997	Nam	Kinh	Sóc Trăng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002986	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10148	17/10/2019			
289	Bạch Thái	Bảo	16CĐ-ĐL1	02/01/1997	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002987	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10149	17/10/2019			
290	Lê Công Thiên	Bảo	16CĐ-ĐL1	24/6/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002988	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10150	17/10/2019			
291	Lê Quốc	Bảo	16CĐ-ĐL1	26/02/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002989	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10151	17/10/2019			
292	Lê	Cường	16CĐ-ĐL1	03/02/1987	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002990	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10152	17/10/2019			
293	Ngô Đình	Châu	16CĐ-ĐL1	15/6/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002991	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10153	17/10/2019			
294	Võ Khánh	Duy	16CĐ-ĐL1	13/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002992	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10154	17/10/2019			
295	Nguyễn Tấn	Đạt	16CĐ-ĐL1	17/5/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002993	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10155	17/10/2019			
296	Hoàng Đăng	Hiệp	16CĐ-ĐL1	16/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002994	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10156	17/10/2019			
297	Huỳnh Ngọc	Hiếu	16CĐ-ĐL1	13/5/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002995	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10157	17/10/2019			
298	Ngô Trung	Hiếu	16CĐ-ĐL1	04/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002996	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10158	17/10/2019			
299	Trần Lê Thanh	Hùng	16CĐ-ĐL1	21/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002997	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10159	17/10/2019			
300	Trần Quốc	Huy	16CĐ-ĐL1	24/02/1997	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Khá	CQ	B1002998	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10160	17/10/2019			
301	Đào Văn	Hung	16CĐ-ĐL1	10/8/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002999	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10161	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
302	Bùi Nhật Đăng	Khoa	16CĐ-ĐL1	11/3/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003000	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10162	17/10/2019			
303	Ngô Mạnh	Khoa	16CĐ-ĐL1	17/8/1991	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003001	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10163	17/10/2019			
304	Nguyễn Hoài	Khương	16CĐ-ĐL1	13/10/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003002	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10164	17/10/2019			
305	Lương Văn	Lâm	16CĐ-ĐL1	18/3/1996	Nam	Kinh	Quảng Nam	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Khá	CQ	B1003003	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10165	17/10/2019			
306	Nguyễn Thành	Lộc	16CĐ-ĐL1	09/6/1997	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Giỏi	CQ	B1003004	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10166	17/10/2019			
307	Sển Lìn	Phat	16CĐ-ĐL1	26/8/1998	Nam	Hoa	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003005	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10167	17/10/2019			
308	Lê Quang	Phong	16CĐ-ĐL1	13/6/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003006	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10168	17/10/2019			
309	Đỗ Văn	Tâm	16CĐ-ĐL1	23/6/1996	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003007	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10169	17/10/2019			
310	Lê Anh Đức	Tiến	16CĐ-ĐL1	02/02/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003008	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10170	17/10/2019			
311	Lê Trung	Tín	16CĐ-ĐL1	23/10/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003009	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10171	17/10/2019			
312	Nguyễn Hoàng	Tín	16CĐ-ĐL1	07/10/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003010	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10172	17/10/2019			
313	Nguyễn Ngọc	Thạch	16CĐ-ĐL1	01/01/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003011	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10173	17/10/2019			
314	Nguyễn Văn	Thì	16CĐ-ĐL1	26/02/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003012	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10174	17/10/2019			
315	Đặng Quốc	Thông	16CĐ-ĐL1	20/6/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003013	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10175	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
316	Lâm Hiếu Thuận	16CĐ-ĐL1	26/12/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003014	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10176	17/10/2019			
317	Lê Phúc Vỹ	16CĐ-ĐL1	21/12/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003015	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10177	17/10/2019			
318	Nguyễn Tấn Xuân	16CĐ-ĐL1	20/3/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Khá	CQ	B1003016	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10178	17/10/2019			
319	Nguyễn Văn Xuân	16CĐ-ĐL1	19/3/1990	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003017	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10179	17/10/2019			
320	Nguyễn Chí Công	16CĐ-ĐL2	23/3/1998	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003018	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10180	17/10/2019			
321	Lê Minh Chung	16CĐ-ĐL2	03/4/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003019	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10181	17/10/2019			
322	Nguyễn Thanh Diễm	16CĐ-ĐL2	08/11/1998	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003020	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10182	17/10/2019			
323	Cao Tường Duy	16CĐ-ĐL2	24/9/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003021	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10183	17/10/2019			
324	Trần Thanh Đăng	16CĐ-ĐL2	01/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003022	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10184	17/10/2019			
325	Nguyễn Thành Đông	16CĐ-ĐL2	30/5/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003023	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10185	17/10/2019			
326	Lê Đức Huy	16CĐ-ĐL2	24/9/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003024	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10186	17/10/2019			
327	Nguyễn Đức Huy	16CĐ-ĐL2	16/10/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003025	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10187	17/10/2019			
328	Nguyễn Thanh Huy	16CĐ-ĐL2	09/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Khá	CQ	B1003026	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10188	17/10/2019			
329	Võ Duy Huy	16CĐ-ĐL2	19/11/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003027	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10189	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
330	Nguyễn Tuấn Kiệt	16CĐ-ĐL2	29/9/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003028	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10190	17/10/2019			
331	Nguyễn Nhựt Kha	16CĐ-ĐL2	02/5/1996	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003029	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10191	17/10/2019			
332	Trần Quang Khải	16CĐ-ĐL2	12/7/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003030	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10192	17/10/2019			
333	Nguyễn Minh Khanh	16CĐ-ĐL2	28/7/1997	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003031	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10193	17/10/2019			
334	Huỳnh Trần Minh Luân	16CĐ-ĐL2	11/3/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003032	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10194	17/10/2019			
335	Vũ Đức Minh	16CĐ-ĐL2	08/02/1998	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003033	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10195	17/10/2019			
336	Hồ Anh Nhân	16CĐ-ĐL2	22/02/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003034	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10196	17/10/2019			
337	Phạm Duy Phú	16CĐ-ĐL2	28/6/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003035	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10197	17/10/2019			
338	Nguyễn Hoàng Anh Phúc	16CĐ-ĐL2	06/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003036	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10198	17/10/2019			
339	Nguyễn Minh Quân	16CĐ-ĐL2	05/9/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Khá	CQ	B1003037	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10199	17/10/2019			
340	Lê Văn Quý	16CĐ-ĐL2	10/9/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003038	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10200	17/10/2019			
341	Vũ Minh Tân	16CĐ-ĐL2	18/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003039	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10201	17/10/2019			
342	Huỳnh Trung Tiên	16CĐ-ĐL2	17/11/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003040	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10202	17/10/2019			
343	Đoàn Ngọc Tuấn	16CĐ-ĐL2	10/5/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003041	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10203	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
344	Võ Minh Tuấn	16CĐ-ĐL2	26/02/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003042	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10204	17/10/2019			
345	Nguyễn Văn Thới	16CĐ-ĐL2	11/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003043	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10205	17/10/2019			
346	Lê Ngọc Tâm Hải Triều	16CĐ-ĐL2	18/12/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003044	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10206	17/10/2019			
347	Nguyễn Thái Trung	16CĐ-ĐL2	18/5/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003045	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10207	17/10/2019			
348	Trang Nhứt Trung	16CĐ-ĐL2	03/02/1997	Nam	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003046	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10208	17/10/2019			
349	Nguyễn Quốc Vinh	16CĐ-ĐL2	01/4/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003047	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10209	17/10/2019			
350	Nguyễn Tuấn Anh	16CĐ-ĐL3	01/10/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003048	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10210	17/10/2019			
351	Nguyễn Trọng Đại Anh	16CĐ-ĐL3	24/12/1997	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003049	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10211	17/10/2019			
352	Đào Đình Cường	16CĐ-ĐL3	22/9/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003050	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10212	17/10/2019			
353	Bùi Hoàng Duy	16CĐ-ĐL3	09/3/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003051	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10213	17/10/2019			
354	Trần Tấn Đạt	16CĐ-ĐL3	09/3/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003052	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10214	17/10/2019			
355	Nguyễn Anh Huân	16CĐ-ĐL3	04/6/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003053	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10215	17/10/2019			
356	Trần Thế Lưu	16CĐ-ĐL3	20/6/1998	Nam	Kinh	Khánh Hoà	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003054	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10216	17/10/2019			
357	Đoàn Văn Mạnh	16CĐ-ĐL3	28/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Khá	CQ	B1003055	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10217	17/10/2019			
358	Nguyễn Hoài Nam	16CĐ-ĐL3	20/11/1995	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Giỏi	CQ	B1003056	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10218	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
359	Đỗ Văn Nên	16CĐ-ĐL3	06/7/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Khá	CQ	B1003057	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10219	17/10/2019			
360	Trần Thanh Nhân	16CĐ-ĐL3	19/9/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003058	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10220	17/10/2019			
361	Phạm Thanh Phong	16CĐ-ĐL3	23/7/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003059	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10221	17/10/2019			
362	Biện Xuân Phước	16CĐ-ĐL3	01/01/1997	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003060	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10222	17/10/2019			
363	Võ Hoài Phương	16CĐ-ĐL3	19/8/1995	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003061	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10223	17/10/2019			
364	Nguyễn Văn Quang	16CĐ-ĐL3	10/02/1998	Nam	Kinh	Gia Lai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003062	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10224	17/10/2019			
365	Phạm Duy Tâm	16CĐ-ĐL3	06/10/1994	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003063	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10225	17/10/2019			
366	Trần Minh Tâm	16CĐ-ĐL3	10/9/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003064	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10226	17/10/2019			
367	Văn Phú Tiền	16CĐ-ĐL3	24/01/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003065	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10227	17/10/2019			
368	Trần Quốc Toán	16CĐ-ĐL3	12/3/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003066	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10228	17/10/2019			
369	Hồ Anh Tuấn	16CĐ-ĐL3	12/5/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003067	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10229	17/10/2019			
370	Nguyễn Tấn Thái	16CĐ-ĐL3	30/4/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003068	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10230	17/10/2019			
371	Trần Ngọc Thành	16CĐ-ĐL3	02/12/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003069	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10231	17/10/2019			
372	Võ Xuân Việt	16CĐ-ĐL3	19/5/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003070	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10232	17/10/2019			
373	Võ Xuân Vinh	16CĐ-ĐL3	27/02/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1003071	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10233	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
374	Bùi Tuấn	Cường	16CĐ-CD1	09/5/1997	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003072	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10234	17/10/2019			
375	Phạm Ngọc	Hiệp	16CĐ-CD1	18/12/1996	Nam	Kinh	Hưng Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Khá	CQ	B1003073	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10235	17/10/2019			
376	Trương Văn	Hoàng	16CĐ-CD1	08/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003074	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10236	17/10/2019			
377	Nguyễn Hoàng Khải	Hung	16CĐ-CD1	27/7/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003076	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10237	17/10/2019			
378	Trần Mai Anh	Khoa	16CĐ-CD1	22/8/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003077	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10238	17/10/2019			
379	Nguyễn Hùng	Lân	16CĐ-CD1	12/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003078	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10239	17/10/2019			
380	Lê Trọng	Nhân	16CĐ-CD1	06/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Khá	CQ	B1003079	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10240	17/10/2019			
381	Võ Hoàng	Phát	16CĐ-CD1	21/02/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003080	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10241	17/10/2019			
382	Nguyễn Hoàng	Phúc	16CĐ-CD1	08/8/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003081	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10242	17/10/2019			
383	Trương Phú	Sĩ	16CĐ-CD1	06/10/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Khá	CQ	B1003083	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10243	17/10/2019			
384	Cao Minh	Trí	16CĐ-CD1	30/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003084	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10244	17/10/2019			
385	Nguyễn Văn	Xã	16CĐ-CD1	06/4/1998	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003085	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10245	17/10/2019			
386	Đình Huy	Hoàng	16CĐ-CĐT1	18/10/1998	Nam	Kinh	Khánh Hoà	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003086	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10246	17/10/2019			
387	Phan Hoài	Phương	16CĐ-CĐT1	13/11/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003087	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10247	17/10/2019			
388	Lê Công	Thoại	16CĐ-CĐT1	27/01/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003088	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10248	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
389	Nguyễn Tiến Anh	16CD-CNC1	04/02/1998	Nam	Kinh	Bắc Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003089	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10249	17/10/2019			
390	Phạm Thanh Hải	16CD-CNC1	30/10/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003090	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10250	17/10/2019			
391	Phạm Đan Hào	16CD-CNC1	21/4/1995	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003091	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10251	17/10/2019			
392	Dương Thanh Hậu	16CD-CNC1	24/01/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003092	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10252	17/10/2019			
393	Hồng Thanh Hiếu	16CD-CNC1	25/01/1998	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003093	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10253	17/10/2019			
394	Trần Anh Hồ	16CD-CNC1	06/11/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003094	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10254	17/10/2019			
395	Phan Thanh Liêm	16CD-CNC1	08/11/1988	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Giỏi	CQ	B1003095	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10255	17/10/2019			
396	Lương Tấn Lộc	16CD-CNC1	17/02/1998	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Khá	CQ	B1003097	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10256	17/10/2019			
397	Tô Thành Luận	16CD-CNC1	19/5/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003098	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10257	17/10/2019			
398	Nguyễn Ngọc Nam	16CD-CNC1	01/4/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003099	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10258	17/10/2019			
399	Bùi Đức Tấn Phát	16CD-CNC1	23/9/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003100	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10259	17/10/2019			
400	Nguyễn Hoàng Sang	16CD-CNC1	03/10/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003101	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10260	17/10/2019			
401	Cao Hoài Tấn	16CD-CNC1	04/10/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003102	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10261	17/10/2019			
402	Diệp Chí Vĩ	16CD-CNC1	13/9/1996	Nam	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003103	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10262	17/10/2019			
403	Lê Thành Đạt	16CD-CTM1	15/10/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003104	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10263	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
404	Lê Chí Đăng	16CĐ-CTM1	14/6/1998	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003105	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10264	17/10/2019			
405	Phan Văn Ngân	16CĐ-CTM1	28/3/1997	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003106	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10265	17/10/2019			
406	Đình Trung	16CĐ-CTM1	25/5/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003107	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10266	17/10/2019			
407	Võ Gia Hưng	16CĐ-CTM1	11/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003108	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10267	17/10/2019			
408	Hoàng Trung Nam	16CĐ-CTM1	17/4/1998	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003109	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10268	17/10/2019			
409	Nguyễn Lê Hoàng	16CĐ-CTM1	27/12/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Khá	CQ	B1003110	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10269	17/10/2019			
410	Nguyễn Văn Phi	16CĐ-CTM1	10/10/1998	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003111	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10270	17/10/2019			
411	Ngô Đức Anh	16CĐ-CTM1	16/02/1998	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003112	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10271	17/10/2019			
412	Nguyễn Văn Thuận	16CĐ-CTM1	07/11/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003113	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10272	17/10/2019			
413	Hồ Quang Trường	16CĐ-CTM1	02/6/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003114	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10273	17/10/2019			
414	Nguyễn Đình Viên	16CĐ-CTM1	10/4/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003115	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10274	17/10/2019			
415	Cao Ngọc Chí	16CĐ-CTM2	17/11/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003116	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10275	17/10/2019			
416	Ngô Anh Chiến	16CĐ-CTM2	12/5/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003117	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10276	17/10/2019			
417	Đặng Phi Hùng	16CĐ-CTM2	31/5/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003118	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10277	17/10/2019			
418	Phạm Gia Lâm	16CĐ-CTM2	12/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003119	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10278	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
419	Nguyễn Lê Duy Minh	16CĐ-CTM2	27/01/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003120	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10279	17/10/2019			
420	Trương Bảo Nhó	16CĐ-CTM2	26/9/1998	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003121	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10280	17/10/2019			
421	Nguyễn Ngọc Sang	16CĐ-CTM2	22/10/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003122	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10281	17/10/2019			
422	Nguyễn Duy Tân	16CĐ-CTM2	09/10/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Khá	CQ	B1003123	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10282	17/10/2019			
423	Lê Thanh Bình	16CĐ-CTM3	28/02/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003124	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10283	17/10/2019			
424	Nguyễn Văn Kiên	16CĐ-CTM3	18/9/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003125	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10284	17/10/2019			
425	Lê Anh Khôi	16CĐ-CTM3	03/8/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003126	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10285	17/10/2019			
426	Châu Hoàng Minh	16CĐ-CTM3	01/12/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003127	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10286	17/10/2019			
427	Đặng Quang Minh	16CĐ-CTM3	29/11/1998	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Khá	CQ	B1003128	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10287	17/10/2019			
428	Phạm Hùng Minh	16CĐ-CTM3	16/3/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003129	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10288	17/10/2019			
429	Nguyễn Phương Nam	16CĐ-CTM3	20/3/1998	Nam	Kinh	Đắk Nông	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003130	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10289	17/10/2019			
430	Nguyễn Văn Nhân	16CĐ-CTM3	12/7/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003131	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10290	17/10/2019			
431	Cao Văn Sỹ	16CĐ-CTM3	07/01/1998	Nam	Kinh	Thanh Hoá	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Khá	CQ	B1003132	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10291	17/10/2019			
432	Lâm Tấn Tài	16CĐ-CTM3	09/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003134	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10292	17/10/2019			
433	Phạm Minh Tài	16CĐ-CTM3	03/11/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Khá	CQ	B1003135	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10293	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
434	Võ Minh	Tâm	16CĐ-CTM3	15/7/1997	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003136	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10294	17/10/2019			
435	Phan Thanh	Tùng	16CĐ-CTM3	20/8/1998	Nam	Kinh	Khánh Hoà	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Khá	CQ	B1003137	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10295	17/10/2019			
436	Đỗ Minh	Thiện	16CĐ-CTM3	14/6/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003138	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10296	17/10/2019			
437	Nguyễn Hữu	Thiện	16CĐ-CTM3	16/9/1998	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Giỏi	CQ	B1003139	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10297	17/10/2019			
438	Phạm Hải	Triều	16CĐ-CTM3	22/9/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003140	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10298	17/10/2019			
439	Ngô Quang	Trường	16CĐ-CTM3	28/12/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003141	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10299	17/10/2019			
440	Phạm Đức	Anh	16CĐ-CTM4	31/12/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003142	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10300	17/10/2019			
441	Huỳnh Thanh	Bình	16CĐ-CTM4	15/12/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003143	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10301	17/10/2019			
442	Nguyễn Hoàng	Chương	16CĐ-CTM4	05/9/1998	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003144	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10302	17/10/2019			
443	Ngô Ngọc	Danh	16CĐ-CTM4	15/10/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003145	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10303	17/10/2019			
444	Đỗ Minh	Diện	16CĐ-CTM4	26/12/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003146	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10304	17/10/2019			
445	Đặng Tiến	Dũng	16CĐ-CTM4	07/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003147	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10305	17/10/2019			
446	Trần Duy	Dũng	16CĐ-CTM4	11/6/1998	Nam	Kinh	Quảng Bình	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003148	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10306	17/10/2019			
447	Trúc Gia	Duy	16CĐ-CTM4	28/11/1998	Nam	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003149	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10307	17/10/2019			
448	Bùi Hiếu	Đạt	16CĐ-CTM4	23/10/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003150	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10308	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
449	Trương Khánh Em	16CD-CTM4	10/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003151	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10309	17/10/2019			
450	Trương Văn Hải	16CD-CTM4	12/02/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003152	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10310	17/10/2019			
451	Lê Hoàng Hậu	16CD-CTM4	10/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003153	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10311	17/10/2019			
452	Hồ Thanh Hiếu	16CD-CTM4	03/5/1993	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003154	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10312	17/10/2019			
453	Huỳnh Ngọc Hội	16CD-CTM4	19/8/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Khá	CQ	B1003155	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10313	17/10/2019			
454	Trần Triệu Huy	16CD-CTM4	18/01/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003156	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10314	17/10/2019			
455	Lê Nguyễn Trung Hưng	16CD-CTM4	05/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003157	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10315	17/10/2019			
456	Trần Anh Kiệt	16CD-CTM4	19/10/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003158	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10316	17/10/2019			
457	Đỗ Đăng Khoa	16CD-CTM4	17/11/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003159	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10317	17/10/2019			
458	Huỳnh Văn Minh	16CD-CTM4	24/10/1998	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003160	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10318	17/10/2019			
459	Nguyễn Văn Minh	16CD-CTM4	02/8/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003161	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10319	17/10/2019			
460	Công Văn Mộng	16CD-CTM4	10/9/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003162	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10320	17/10/2019			
461	Trương Văn Nhân	16CD-CTM4	29/3/1998	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003163	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10321	17/10/2019			
462	Đình Hoàng Phú	16CD-CTM4	13/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003164	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10322	17/10/2019			
463	Nguyễn Hoàng Phúc	16CD-CTM4	06/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Khá	CQ	B1003165	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10323	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
464	Đặng Thanh	Phương	16CĐ-CTM4	24/8/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Khá	CQ	B1003166	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10324	17/10/2019			
465	Trương Minh	Tân	16CĐ-CTM4	05/9/1996	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003167	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10325	17/10/2019			
466	Nguyễn Văn	Tiên	16CĐ-CTM4	12/4/1998	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003168	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10326	17/10/2019			
467	Huỳnh Minh	Tiến	16CĐ-CTM4	06/01/1997	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003169	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10327	17/10/2019			
468	Nguyễn Ngọc	Tiến	16CĐ-CTM4	02/11/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003170	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10328	17/10/2019			
469	Đặng Chiến	Thắng	16CĐ-CTM4	01/6/1998	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003171	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10329	17/10/2019			
470	Trần Hưng	Thịnh	16CĐ-CTM4	27/8/1998	Nam	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003172	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10330	17/10/2019			
471	Nguyễn Quốc	Vương	16CĐ-CTM4	17/7/1998	Nam	Kinh	Quảng Trị	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003173	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10331	17/10/2019			
472	Đoàn Thanh	Bình	16CĐ-CTM5	06/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003174	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10332	17/10/2019			
473	Cao Duy	Cường	16CĐ-CTM5	05/7/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003175	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10333	17/10/2019			
474	Hoàng Gia	Huy	16CĐ-CTM5	14/01/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003176	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10334	17/10/2019			
475	Nguyễn Quang	Huy	16CĐ-CTM5	17/4/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003177	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10335	17/10/2019			
476	Đoàn	Khánh	16CĐ-CTM5	28/7/1998	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003178	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10336	17/10/2019			
477	Nguyễn Văn	Khôi	16CĐ-CTM5	04/11/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003179	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10337	17/10/2019			
478	Phạm Lê Lai	Láng	16CĐ-CTM5	03/5/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003180	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10338	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
479	Đặng Hoàng Lâm	16CD-CTM5	16/3/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003181	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10339	17/10/2019			
480	Nguyễn Hoàng Việt Lâm	16CD-CTM5	12/11/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Khá	CQ	B1003182	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10340	17/10/2019			
481	Nguyễn Vòng Bảo Long	16CD-CTM5	23/12/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003183	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10341	17/10/2019			
482	Đinh Trọng Ngọc	16CD-CTM5	11/11/1998	Nam	Kinh	Thái Bình	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003184	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10342	17/10/2019			
483	Trần Quốc Nguyên	16CD-CTM5	13/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Khá	CQ	B1003185	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10343	17/10/2019			
484	Trịnh Hoàng Pháp	16CD-CTM5	10/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003186	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10344	17/10/2019			
485	Thới Văn Tâm	16CD-CTM5	13/4/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003187	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10345	17/10/2019			
486	Phan Minh Tân	16CD-CTM5	16/5/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003188	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10346	17/10/2019			
487	Phan Lê Nhật Tấn	16CD-CTM5	25/4/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003189	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10347	17/10/2019			
488	Nguyễn Hồng Tiến	16CD-CTM5	22/4/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003190	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10348	17/10/2019			
489	Phạm Văn Tuấn	16CD-CTM5	18/02/1998	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003191	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10349	17/10/2019			
490	Nguyễn Thị Ngọc Thi	16CD-CTM5	10/9/1998	Nữ	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003192	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10350	17/10/2019			
491	Nguyễn Châu Quốc Thịnh	16CD-CTM5	02/5/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003193	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10351	17/10/2019			
492	Nguyễn Vũ Thịnh	16CD-CTM5	07/3/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003194	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10352	17/10/2019			
493	Phạm Gia Thịnh	16CD-CTM5	20/3/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003195	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10353	17/10/2019			
494	Đặng Hoàng Vinh	16CD-CTM5	20/10/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1003196	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10354	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
495	Nguyễn Minh	An	16CD-Ô1	09/8/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003197	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10355	17/10/2019			
496	Nguyễn Việt	Anh	16CD-Ô1	16/11/1998	Nam	Kinh	Hung Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1003198	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10356	17/10/2019			
497	Huỳnh Trần Gia	Bảo	16CD-Ô1	08/9/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003199	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10357	17/10/2019			
498	Nguyễn Minh	Bình	16CD-Ô1	21/02/1998	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003200	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10358	17/10/2019			
499	Đỗ Thành	Công	16CD-Ô1	03/10/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003201	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10359	17/10/2019			
500	Hà Văn	Công	16CD-Ô1	20/5/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003202	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10360	17/10/2019			
501	Phạm Văn	Công	16CD-Ô1	12/6/1997	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003203	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10361	17/10/2019			
502	Đoàn Hữu	Cường	16CD-Ô1	01/6/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003204	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10362	17/10/2019			
503	Nguyễn Văn	Chương	16CD-Ô1	02/5/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003205	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10363	17/10/2019			
504	Vương Thanh	Dal	16CD-Ô1	20/7/1998	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1003206	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10364	17/10/2019			
505	Trương Quốc	Danh	16CD-Ô1	04/01/1998	Nam	Kinh	Cà Mau	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1003207	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10365	17/10/2019			
506	Nguyễn Văn	Dũng	16CD-Ô1	20/10/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003210	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10366	17/10/2019			
507	Nguyễn Hoàng	Duy	16CD-Ô1	05/02/1997	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003209	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10367	17/10/2019			
508	Nguyễn Tuấn	Đại	16CD-Ô1	12/6/1998	Nam	Kinh	Khánh Hoà	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003211	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10368	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
509	Huỳnh Tấn Định	16CD-Ô1	09/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003212	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10369	17/10/2019			
510	Nguyễn Quốc Hào	16CD-Ô1	06/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003213	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10370	17/10/2019			
511	Trần Bá Hậu	16CD-Ô1	20/6/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003214	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10371	17/10/2019			
512	Nguyễn Trung Hiếu	16CD-Ô1	28/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003215	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10372	17/10/2019			
513	Nguyễn Việt Hoàng	16CD-Ô1	16/11/1998	Nam	Kinh	Hung Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1003216	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10373	17/10/2019			
514	Nguyễn Huy	16CD-Ô1	12/10/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003217	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10374	17/10/2019			
515	Hồ Quang Khải	16CD-Ô1	16/11/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003218	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10375	17/10/2019			
516	Trần Trọng Khải	16CD-Ô1	05/3/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003219	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10376	17/10/2019			
517	Nguyễn Thanh Khang	16CD-Ô1	11/8/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1003220	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10377	17/10/2019			
518	Đình Anh Khoa	16CD-Ô1	30/6/1992	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003221	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10378	17/10/2019			
519	Nguyễn Duy Lâm	16CD-Ô1	16/01/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003222	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10379	17/10/2019			
520	Nguyễn Thanh Lâm	16CD-Ô1	06/4/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003223	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10380	17/10/2019			
521	Trần Đức Nhật Linh	16CD-Ô1	28/3/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003224	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10381	17/10/2019			
522	Nguyễn Hồng Phúc	16CD-Ô1	13/3/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003225	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10382	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
523	Nguyễn Hoàng Phương	16CD-Ô1	01/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003226	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10383	17/10/2019			
524	Trần Hoài Phương	16CD-Ô1	24/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003227	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10384	17/10/2019			
525	Nguyễn Anh Tuấn	16CD-Ô1	09/8/1995	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1003228	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10385	17/10/2019			
526	Nguyễn Thanh Tuấn	16CD-Ô1	16/11/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003229	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10386	17/10/2019			
527	Nguyễn Lê Tùng	16CD-Ô1	10/5/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003230	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10387	17/10/2019			
528	Nguyễn Hoàng Thái	16CD-Ô1	28/12/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003231	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10388	17/10/2019			
529	Đặng Minh Triết	16CD-Ô1	11/02/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1003232	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10389	17/10/2019			
530	Lê Nam Trọng	16CD-Ô1	08/5/1998	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1003233	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10390	17/10/2019			
531	Lê Nhật Trường	16CD-Ô1	11/10/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1003234	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10391	17/10/2019			
532	Lê Tuấn Vũ	16CD-Ô1	03/12/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003235	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10392	17/10/2019			
533	Huỳnh Bảo Ân	16CD-Ô2	09/8/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003236	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10393	17/10/2019			
534	Nguyễn Lý Hoàng Bảo	16CD-Ô2	05/12/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003237	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10394	17/10/2019			
535	Nguyễn Thái Bảo	16CD-Ô2	23/3/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003238	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10395	17/10/2019			
536	Đỗ Đức Cường	16CD-Ô2	25/5/1998	Nam	Kinh	Thanh Hoá	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003239	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10396	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
537	Hồ Ngọc Duy	16CD-Ô2	20/12/1998	Nam	Kinh	Thanh Hoá	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003240	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10397	17/10/2019			
538	Lê Nhật Duy	16CD-Ô2	03/3/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003241	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10398	17/10/2019			
539	Nguyễn Thanh Đạt	16CD-Ô2	26/10/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003242	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10399	17/10/2019			
540	Trần Công Hải Đăng	16CD-Ô2	28/10/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003243	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10400	17/10/2019			
541	Phan Sỹ Hà	16CD-Ô2	14/9/1997	Nam	Kinh	Nghệ An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003244	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10401	17/10/2019			
542	Nguyễn Thành Hậu	16CD-Ô2	23/4/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003245	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10402	17/10/2019			
543	Trần Văn Hậu	16CD-Ô2	15/11/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003246	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10403	17/10/2019			
544	Lã Quang Huy	16CD-Ô2	05/9/1998	Nam	Kinh	Ninh Bình	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003247	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10404	17/10/2019			
545	Nguyễn Thanh Huy	16CD-Ô2	02/10/1998	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003248	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10405	17/10/2019			
546	Lương Hoàng Khải	16CD-Ô2	04/8/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003249	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10406	17/10/2019			
547	Phan Trần Quốc Khôi	16CD-Ô2	04/01/1998	Nam	Kinh	Cà Mau	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003250	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10407	17/10/2019			
548	Nguyễn Thiên Lộc	16CD-Ô2	12/12/1996	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003251	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10408	17/10/2019			
549	Nguyễn Luân	16CD-Ô2	22/12/1995	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003252	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10409	17/10/2019			
550	Trần Văn Mai	16CD-Ô2	25/9/1997	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1003253	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10410	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
551	Trần Xuân Nam	16CD-Ô2	28/6/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003254	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10411	17/10/2019			
552	Trần Trọng Nghĩa	16CD-Ô2	07/4/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003255	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10412	17/10/2019			
553	Lê Thanh Phú	16CD-Ô2	14/01/1998	Nam	Kinh	Cà Mau	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003256	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10413	17/10/2019			
554	Nguyễn Đức Phú	16CD-Ô2	15/02/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003257	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10414	17/10/2019			
555	Lưu Minh Phúc	16CD-Ô2	20/10/1996	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1003258	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10415	17/10/2019			
556	Nguyễn Hữu Quốc	16CD-Ô2	02/10/1997	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003259	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10416	17/10/2019			
557	Nguyễn Văn Toại	16CD-Ô2	22/02/1997	Nam	Kinh	Gia Lai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003260	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10417	17/10/2019			
558	Huỳnh Trọng Toàn	16CD-Ô2	15/12/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003261	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10418	17/10/2019			
559	Võ Hữu Thọ	16CD-Ô2	08/6/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003262	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10419	17/10/2019			
560	Lữ Quốc Thức	16CD-Ô2	27/8/1998	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003263	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10420	17/10/2019			
561	Nguyễn Quốc Bảo	16CD-Ô3	06/8/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003264	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10421	17/10/2019			
562	Nguyễn Hoàng Chương	16CD-Ô3	19/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003265	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10422	17/10/2019			
563	Tô Trung Diệu	16CD-Ô3	12/12/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003266	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10423	17/10/2019			
564	Đoàn Khải Duy	16CD-Ô3	20/6/1998	Nam	Kinh	Sóc Trăng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003267	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10424	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
565	Quách Khả Duy	16CD-Ô3	07/9/1998	Nam	Kinh	Sóc Trăng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003268	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10425	17/10/2019			
566	Nguyễn Tấn Đạt	16CD-Ô3	08/8/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003269	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10426	17/10/2019			
567	Phan Hồng Em	16CD-Ô3	14/8/1996	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003270	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10427	17/10/2019			
568	Kiều Anh Hải	16CD-Ô3	22/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003271	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10428	17/10/2019			
569	Trần Nhật Hào	16CD-Ô3	04/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003272	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10429	17/10/2019			
570	Phạm Vũ Kiệt	16CD-Ô3	20/02/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003273	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10430	17/10/2019			
571	Nguyễn Ngọc Khánh	16CD-Ô3	05/10/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003274	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10431	17/10/2019			
572	Nguyễn Thanh Liêm	16CD-Ô3	20/01/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003275	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10432	17/10/2019			
573	Dư Lâm Luật	16CD-Ô3	25/8/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003276	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10433	17/10/2019			
574	Nguyễn Trần Minh Mẫn	16CD-Ô3	03/8/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003277	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10434	17/10/2019			
575	Lê Cao Nghị	16CD-Ô3	15/6/1998	Nam	Kinh	Gia Lai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003278	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10435	17/10/2019			
576	Phùng Bảo Nhanh	16CD-Ô3	07/8/1998	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003279	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10436	17/10/2019			
577	Đặng Công Phát	16CD-Ô3	24/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003280	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10437	17/10/2019			
578	Ngũ Thành Phát	16CD-Ô3	14/10/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003281	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10438	17/10/2019			
579	Nguyễn Trường Phong	16CD-Ô3	08/11/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003282	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10439	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
580	Hà Hoàng Phương	16CD-Ô3	05/10/1996	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003283	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10440	17/10/2019			
581	Đoàn Hồ Anh Quý	16CD-Ô3	20/11/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003284	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10441	17/10/2019			
582	Võ Chí Quyết	16CD-Ô3	23/10/1995	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003285	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10442	17/10/2019			
583	Nguyễn Đức Sang	16CD-Ô3	10/11/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003286	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10443	17/10/2019			
584	Nguyễn Từ Tấn Sinh	16CD-Ô3	19/4/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003287	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10444	17/10/2019			
585	Trương Phước Hoàng Sơn	16CD-Ô3	21/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003288	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10445	17/10/2019			
586	Huỳnh Tấn Tài	16CD-Ô3	05/5/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003289	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10446	17/10/2019			
587	Lý Phước Tiến Tài	16CD-Ô3	27/02/1998	Nam	Khmer	Sóc Trăng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003290	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10447	17/10/2019			
588	Trần Duy Tâm	16CD-Ô3	08/02/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1003291	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10448	17/10/2019			
589	Nguyễn Trung Tín	16CD-Ô3	17/9/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003292	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10449	17/10/2019			
590	Trần Anh Tuấn	16CD-Ô3	08/3/1998	Nam	Khmer	Bạc Liêu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003293	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10450	17/10/2019			
591	Trần Thanh Tuấn	16CD-Ô3	11/3/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003294	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10451	17/10/2019			
592	Nguyễn Quốc Tùng	16CD-Ô3	13/10/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003295	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10452	17/10/2019			
593	Trịnh Văn Tùng	16CD-Ô3	01/7/1997	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003296	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10453	17/10/2019			
594	Đỗ Lâm Tiến Thông	16CD-Ô3	10/3/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003297	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10454	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
595	Lê Duy Thung	16CD-Ô3	10/3/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003298	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10455	17/10/2019			
596	Trần Minh Vũ	16CD-Ô3	08/10/1998	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003299	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10456	17/10/2019			
597	Trương Triệu Vương	16CD-Ô3	18/02/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003300	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10457	17/10/2019			
598	Nguyễn Trường Vy	16CD-Ô3	02/10/1998	Nữ	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003301	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10458	17/10/2019			
599	Nguyễn Thuận An	16CD-Ô4	31/8/1997	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003302	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10459	17/10/2019			
600	Trần Chí Cường	16CD-Ô4	07/9/1994	Nam	Kinh	Gia Lai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003303	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10460	17/10/2019			
601	Nguyễn Hải Đăng Duy	16CD-Ô4	02/02/1998	Nam	Kinh	Cần Thơ	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003304	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10461	17/10/2019			
602	Đỗ Trọng Dương	16CD-Ô4	26/9/1997	Nam	Kinh	Quảng Nam	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003305	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10462	17/10/2019			
603	Lâm Xuân Đạt	16CD-Ô4	18/8/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003306	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10463	17/10/2019			
604	Đặng Hoàng Đăng	16CD-Ô4	13/11/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003307	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10464	17/10/2019			
605	Trần Hoàng Huy	16CD-Ô4	18/9/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003308	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10465	17/10/2019			
606	Lê Minh Khoa	16CD-Ô4	22/6/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003309	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10466	17/10/2019			
607	Cao Hoàng Khương	16CD-Ô4	14/11/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003310	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10467	17/10/2019			
608	Huỳnh Văn Liêm	16CD-Ô4	25/4/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003311	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10468	17/10/2019			
609	Trần Thành Long	16CD-Ô4	18/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003312	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10469	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
610	Nguyễn Di Lý	16CD-Ô4	14/11/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003313	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10470	17/10/2019			
611	Nguyễn Lê Nhật Nam	16CD-Ô4	20/9/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003314	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10471	17/10/2019			
612	Nguyễn Nhựt Nam	16CD-Ô4	19/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003315	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10472	17/10/2019			
613	Trịnh Khôi Nguyên	16CD-Ô4	03/6/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003316	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10473	17/10/2019			
614	Nguyễn Quốc Nhiên	16CD-Ô4	04/8/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003317	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10474	17/10/2019			
615	Nguyễn Quang Phẩm	16CD-Ô4	20/11/1996	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003318	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10475	17/10/2019			
616	Nguyễn Đình Phương	16CD-Ô4	04/02/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003319	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10476	17/10/2019			
617	Lê Văn Thiện Quang	16CD-Ô4	13/3/1998	Nam	Kinh	Quảng Trị	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003320	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10477	17/10/2019			
618	Lê Hiếu Quân	16CD-Ô4	30/11/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003321	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10478	17/10/2019			
619	Lê Hữu Tài	16CD-Ô4	14/6/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003322	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10479	17/10/2019			
620	Nguyễn Phúc Tàn	16CD-Ô4	09/4/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003323	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10480	17/10/2019			
621	Bùi Anh Tiến	16CD-Ô4	15/8/1998	Nam	Kinh	Thanh Hoá	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003324	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10481	17/10/2019			
622	Lý Thanh Tiến	16CD-Ô4	26/01/1998	Nam	Kinh	Sóc Trăng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003325	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10482	17/10/2019			
623	Lưu Vĩnh Tin	16CD-Ô4	05/5/1998	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003326	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10483	17/10/2019			
624	Lê Quốc Tín	16CD-Ô4	06/02/1998	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003327	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10484	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
625	Lê Thanh Tín	16CD-Ô4	22/6/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003328	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10485	17/10/2019			
626	Huỳnh Trần Đức Toàn	16CD-Ô4	24/11/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003329	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10486	17/10/2019			
627	Võ Văn Toàn	16CD-Ô4	31/01/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003330	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10487	17/10/2019			
628	Hồ Ngân Tuấn	16CD-Ô4	02/5/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003331	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10488	17/10/2019			
629	Nguyễn Anh Tuấn	16CD-Ô4	08/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003332	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10489	17/10/2019			
630	Cao Minh Trí	16CD-Ô4	18/10/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003333	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10490	17/10/2019			
631	Đoàn Huy Trí	16CD-Ô4	15/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1003334	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10491	17/10/2019			
632	Hà Minh Trung	16CD-Ô4	03/11/1998	Nam	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003335	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10492	17/10/2019			
633	Nguyễn Cẩm Tú Trung	16CD-Ô4	10/6/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003336	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10493	17/10/2019			
634	Vũ Minh Trường	16CD-Ô4	24/4/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003337	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10494	17/10/2019			
635	Hoàng Anh Văn	16CD-Ô4	08/11/1998	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003338	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10495	17/10/2019			
636	Trịnh Hoài Vĩ	16CD-Ô4	20/7/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003339	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10496	17/10/2019			
637	Đỗ Duy Anh	16CD-Ô5	02/4/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003340	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10497	17/10/2019			
638	Võ Văn Hải	16CD-Ô5	23/8/1997	Nam	Kinh	Gia Lai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003341	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10498	17/10/2019			
639	Phạm Anh Kha	16CD-Ô5	11/4/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003342	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10499	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
640	Hồng Thanh	Khan	16CD-Ô5	15/6/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003343	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10500	17/10/2019			
641	Lê Hoàng	Long	16CD-Ô5	13/3/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003344	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10501	17/10/2019			
642	Lê Truyền	Long	16CD-Ô5	18/7/1998	Nam	Kinh	Vĩnh Long	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003345	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10502	17/10/2019			
643	Hồ	Minh	16CD-Ô5	18/9/1997	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1003346	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10503	17/10/2019			
644	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	16CD-Ô5	19/6/1997	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118524	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10504	17/10/2019			
645	Đình Vĩnh	Phú	16CD-Ô5	04/02/1997	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118525	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10505	17/10/2019			
646	Nguyễn Võ	Phú	16CD-Ô5	18/01/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118526	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10506	17/10/2019			
647	Nguyễn Ngọc	Phúc	16CD-Ô5	14/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118527	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10507	17/10/2019			
648	Trần Chí	Tâm	16CD-Ô5	26/3/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118528	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10508	17/10/2019			
649	Đoàn Minh	Tiến	16CD-Ô5	05/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118529	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10509	17/10/2019			
650	Huỳnh Trần Minh	Tiến	16CD-Ô5	05/8/1998	Nam	Kinh	Gia Lai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118530	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10510	17/10/2019			
651	Lê Quang	Tiến	16CD-Ô5	11/4/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118531	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10511	17/10/2019			
652	Nguyễn Phước	Toàn	16CD-Ô5	15/5/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118532	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10512	17/10/2019			
653	Nguyễn Công	Thành	16CD-Ô5	22/4/1998	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118533	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10513	17/10/2019			
654	Nguyễn Minh	Vinh	16CD-Ô5	01/3/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118534	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10514	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
655	Nguyễn Ngọc Vinh	16CD-Ô5	18/10/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118535	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10515	17/10/2019			
656	Lê Tuấn Anh	16CD-Ô6	25/9/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118536	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10516	17/10/2019			
657	Phạm Thái Bảo	16CD-Ô6	18/11/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118537	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10517	17/10/2019			
658	Phạm Quang Bình	16CD-Ô6	03/5/1998	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118538	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10518	17/10/2019			
659	Phan Minh Dũng	16CD-Ô6	06/10/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118539	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10519	17/10/2019			
660	Nguyễn Chí Hải	16CD-Ô6	10/5/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118540	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10520	17/10/2019			
661	Nguyễn Nhật Hải	16CD-Ô6	20/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118541	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10521	17/10/2019			
662	Nguyễn Mạnh Hùng	16CD-Ô6	15/5/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118542	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10522	17/10/2019			
663	Lê Quang Khang	16CD-Ô6	02/12/1997	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118543	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10523	17/10/2019			
664	Nguyễn Trung Nam	16CD-Ô6	26/01/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118544	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10524	17/10/2019			
665	Lê Khắc Nguyên	16CD-Ô6	20/5/1997	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118545	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10525	17/10/2019			
666	Tăng Tấn Phát	16CD-Ô6	21/3/1997	Nam	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118546	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10526	17/10/2019			
667	Nguyễn Hoàng Quý	16CD-Ô6	11/5/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118547	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10527	17/10/2019			
668	Nguyễn Minh Tân	16CD-Ô6	09/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118548	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10528	17/10/2019			
669	Trần Văn Tây	16CD-Ô6	19/12/1998	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118549	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10529	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
670	Phạm Minh Tiên	16CD-Ô6	04/7/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118552	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10530	17/10/2019			
671	Lâm Hồng Tin	16CD-Ô6	13/4/1998	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118553	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10531	17/10/2019			
672	Vũ Anh Tuấn	16CD-Ô6	31/10/1998	Nam	Kinh	Nam Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118554	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10532	17/10/2019			
673	Nguyễn Hoàng Thái	16CD-Ô6	12/7/1997	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118555	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10533	17/10/2019			
674	Trần Thanh Tri	16CD-Ô6	29/8/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118556	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10534	17/10/2019			
675	Trần Minh Triết	16CD-Ô6	04/11/1997	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118557	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10535	17/10/2019			
676	Đặng Minh Trung	16CD-Ô6	22/4/1998	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118558	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10536	17/10/2019			
677	Nguyễn Xuân Duy	16CD-Ô7	18/9/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118559	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10537	17/10/2019			
678	Phan Thanh Duy	16CD-Ô7	15/11/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118560	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10538	17/10/2019			
679	Trương Tiến Đạt	16CD-Ô7	16/3/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118561	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10539	17/10/2019			
680	Võ Văn Đức	16CD-Ô7	16/7/1997	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118562	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10540	17/10/2019			
681	Nguyễn Văn Hiệp	16CD-Ô7	23/01/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1118563	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10541	17/10/2019			
682	Vũ Thề Hiếu	16CD-Ô7	14/12/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118564	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10542	17/10/2019			
683	Phạm Minh Hoàng	16CD-Ô7	16/12/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118565	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10543	17/10/2019			
684	Nguyễn Hữu Huy	16CD-Ô7	06/3/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118566	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10544	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
685	Nguyễn Thiện Huy	16CD-Ô7	03/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118567	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10545	17/10/2019			
686	Phạm Xuân Huy	16CD-Ô7	20/8/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118568	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10546	17/10/2019			
687	Tạ Gia Huy	16CD-Ô7	14/6/1997	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118569	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10547	17/10/2019			
688	Nguyễn Quốc Hưng	16CD-Ô7	02/3/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118570	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10548	17/10/2019			
689	Nguyễn Duy Khoa	16CD-Ô7	29/10/1998	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118571	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10549	17/10/2019			
690	Nguyễn Thành Lâ	16CD-Ô7	20/3/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118572	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10550	17/10/2019			
691	Lê Hồng Lợi	16CD-Ô7	12/7/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1118573	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10551	17/10/2019			
692	Nguyễn Văn Lũy	16CD-Ô7	11/10/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118574	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10552	17/10/2019			
693	Trương Văn Nhiều	16CD-Ô7	08/7/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118575	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10553	17/10/2019			
694	Trần Mạnh Phát	16CD-Ô7	01/3/1998	Nam	Kinh	Gia Lai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118576	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10554	17/10/2019			
695	Nguyễn Thanh Phú	16CD-Ô7	15/02/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118577	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10555	17/10/2019			
696	Nguyễn Toàn Quốc	16CD-Ô7	01/02/1998	Nam	Kinh	Cà Mau	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118578	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10556	17/10/2019			
697	Văn Hà Sanh	16CD-Ô7	30/11/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118579	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10557	17/10/2019			
698	Lê Văn Hải Sơn	16CD-Ô7	28/6/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118580	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10558	17/10/2019			
699	Trần Gia Tiến	16CD-Ô7	01/01/1998	Nam	Kinh	Thừa Thiên -Huế	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1118581	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10559	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
700	Trần Văn	Thiêng	16CD-Ô7	11/7/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118582	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10560	17/10/2019			
701	Đoàn Quang	Thuận	16CD-Ô7	15/01/1998	Nam	Kinh	Quảng Trị	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118583	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10561	17/10/2019			
702	Trịnh Minh	Trọng	16CD-Ô7	19/12/1998	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118584	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10562	17/10/2019			
703	Võ Hữu	Trung	16CD-Ô7	21/7/1996	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118585	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10563	17/10/2019			
704	Lê Công	Trường	16CD-Ô7	11/7/1998	Nam	Kinh	Thanh Hoá	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118586	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10564	17/10/2019			
705	Nguyễn Thế	Anh	16CD-Ô8	12/11/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118587	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10565	17/10/2019			
706	Trần Quốc	Cường	16CD-Ô8	08/11/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118588	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10566	17/10/2019			
707	Lê Văn	Duy	16CD-Ô8	13/5/1998	Nam	Kinh	Đắk Nông	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118589	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10567	17/10/2019			
708	Trương Thế	Hậu	16CD-Ô8	05/02/1998	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118590	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10568	17/10/2019			
709	Trần Bá	Hoàn	16CD-Ô8	13/11/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118591	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10569	17/10/2019			
710	Trần Tuấn	Huy	16CD-Ô8	03/3/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118592	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10570	17/10/2019			
711	Phan Quốc	Hung	16CD-Ô8	22/8/1998	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118593	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10571	17/10/2019			
712	Nguyễn Tuấn	Khôi	16CD-Ô8	09/8/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118594	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10572	17/10/2019			
713	Nguyễn Ngọc	Lâm	16CD-Ô8	20/5/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118595	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10573	17/10/2019			
714	Trương Thành	Linh	16CD-Ô8	28/02/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118596	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10574	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
715	Nguyễn Tùng Long	16CD-Ô8	26/8/1997	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118597	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10575	17/10/2019			
716	Nguyễn Văn Long	16CD-Ô8	04/12/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118598	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10576	17/10/2019			
717	Hồ Văn Mạnh	16CD-Ô8	22/4/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118599	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10577	17/10/2019			
718	Lê Trương Mạnh	16CD-Ô8	06/6/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118600	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10578	17/10/2019			
719	Bùi Trọng Nhân	16CD-Ô8	10/02/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118601	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10579	17/10/2019			
720	Đỗ Thành Nhân	16CD-Ô8	29/11/1998	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118602	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10580	17/10/2019			
721	Trần La Quang Phát	16CD-Ô8	21/5/1998	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118603	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10581	17/10/2019			
722	Nguyễn Hoài Phong	16CD-Ô8	09/10/1998	Nam	Kinh	Đắk Nông	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118604	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10582	17/10/2019			
723	Phạm Hữu Phú	16CD-Ô8	13/01/1989	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118605	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10583	17/10/2019			
724	Nguyễn Hoàng Phúc	16CD-Ô8	19/12/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118606	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10584	17/10/2019			
725	Trần Ngọc Quyền	16CD-Ô8	14/9/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118607	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10585	17/10/2019			
726	Phạm Tiến Sỹ	16CD-Ô8	10/11/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118608	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10586	17/10/2019			
727	Phan Minh Tân	16CD-Ô8	26/10/1997	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118609	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10587	17/10/2019			
728	Nguyễn Thanh Tùng	16CD-Ô8	25/6/1998	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118610	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10588	17/10/2019			
729	Nguyễn Xuân Tùng	16CD-Ô8	19/4/1996	Nam	Kinh	Thanh Hoá	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118611	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10589	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
730	Ngô Quế Thanh	16CD-Ô8	03/3/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118612	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10590	17/10/2019			
731	Đoàn Quốc Thắng	16CD-Ô8	15/3/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118613	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10591	17/10/2019			
732	Nguyễn Bá Thông	16CD-Ô8	10/8/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118614	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10592	17/10/2019			
733	Nguyễn Kiều Hà Triều	16CD-Ô8	03/3/1998	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118615	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10593	17/10/2019			
734	Nguyễn Hoài Bảo	16CD-Ô9	22/12/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118616	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10594	17/10/2019			
735	Huỳnh Hoài Bão	16CD-Ô9	30/6/1998	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118617	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10595	17/10/2019			
736	Nguyễn Quốc Công	16CD-Ô9	29/12/1998	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118618	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10596	17/10/2019			
737	Ngô Văn Đang	16CD-Ô9	05/02/1998	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118619	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10597	17/10/2019			
738	Đỗ Thành Đạt	16CD-Ô9	24/01/1991	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118620	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10598	17/10/2019			
739	Trần Nhật Hào	16CD-Ô9	17/6/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118621	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10599	17/10/2019			
740	Nguyễn Văn Hiếu	16CD-Ô9	02/9/1996	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118622	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10600	17/10/2019			
741	Trần Quang Phúc Huy	16CD-Ô9	23/4/1996	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118623	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10601	17/10/2019			
742	Phan Huỳnh Hữu Lộc	16CD-Ô9	17/02/1997	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1118624	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10602	17/10/2019			
743	Trương Viết Lợi	16CD-Ô9	06/6/1998	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118625	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10603	17/10/2019			
744	Nguyễn Xuân Mãnh	16CD-Ô9	22/6/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118626	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10604	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
745	Nông Sĩ Nguyên	16CD-Ô9	02/01/1998	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118627	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10605	17/10/2019			
746	Trần Hồng Quân	16CD-Ô9	18/10/1993	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1118628	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10606	17/10/2019			
747	Võ Thanh Sang	16CD-Ô9	30/8/1997	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118629	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10607	17/10/2019			
748	Phạm Nguyễn Minh Tấn	16CD-Ô9	09/4/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118630	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10608	17/10/2019			
749	Trần Văn Tích	16CD-Ô9	24/8/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118631	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10609	17/10/2019			
750	Huỳnh Vũ Thái	16CD-Ô9	23/01/1998	Nam	Kinh	Sóc Trăng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118632	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10610	17/10/2019			
751	Mai Quốc Thái	16CD-Ô9	19/3/1998	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118633	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10611	17/10/2019			
752	Huỳnh Quốc Thanh	16CD-Ô9	20/5/1998	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118634	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10612	17/10/2019			
753	Diệp Chí Thịnh	16CD-Ô9	09/6/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118635	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10613	17/10/2019			
754	Võ Ngọc Minh Thông	16CD-Ô9	09/01/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118636	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10614	17/10/2019			
755	Phạm Văn Thuận	16CD-Ô9	26/4/1997	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118637	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10615	17/10/2019			
756	Hồ Minh Thừa	16CD-Ô9	1996	Nam	Kinh	Trà Vinh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118638	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10616	17/10/2019			
757	Hồ Hoàng An	16CD-Ô10	06/9/1997	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118639	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10617	17/10/2019			
758	Nguyễn Quang Dương	16CD-Ô10	24/4/1998	Nam	Kinh	Bắc Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118640	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10618	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
759	Nguyễn Tuấn Thành Đạt	16CĐ-Ô10	22/02/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118641	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10619	17/10/2019			
760	Nguyễn Minh Đoàn	16CĐ-Ô10	27/9/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118642	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10620	17/10/2019			
761	Nguyễn Phương Đông	16CĐ-Ô10	14/12/1998	Nam	Kinh	An Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118643	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10621	17/10/2019			
762	Phạm Sỹ Đức	16CĐ-Ô10	15/8/1998	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118644	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10622	17/10/2019			
763	Lưu Say Hon	16CĐ-Ô10	25/02/1996	Nam	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118645	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10623	17/10/2019			
764	Hoàng Đức Huy	16CĐ-Ô10	15/8/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118646	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10624	17/10/2019			
765	Đặng Trần Duy Khang	16CĐ-Ô10	27/4/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118647	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10625	17/10/2019			
766	Nguyễn Ngọc Duy Khanh	16CĐ-Ô10	02/5/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1118648	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10626	17/10/2019			
767	Nguyễn Minh Khôi	16CĐ-Ô10	11/10/1998	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118649	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10627	17/10/2019			
768	Nghiêm Xuân Linh	16CĐ-Ô10	06/11/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118650	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10628	17/10/2019			
769	Trịnh Chí Mẫn	16CĐ-Ô10	08/9/1998	Nam	Hoa	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118651	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10629	17/10/2019			
770	Nguyễn Công Minh	16CĐ-Ô10	20/01/1998	Nam	Kinh	Quảng Nam	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118652	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10630	17/10/2019			
771	Doãn Đức Thiên Phúc	16CĐ-Ô10	26/5/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118653	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10631	17/10/2019			
772	Nguyễn Thanh Quang	16CĐ-Ô10	22/02/1996	Nam	Kinh	Bình Dương	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118654	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10632	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
773	Hứa Trường Sơn	16CĐ-Ô10	14/01/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118655	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10633	17/10/2019			
774	Nguyễn Văn Nhựt Tân	16CĐ-Ô10	18/9/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1118656	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10634	17/10/2019			
775	Trần Văn Tiên	16CĐ-Ô10	02/4/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118657	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10635	17/10/2019			
776	Ngô Quang Tuấn	16CĐ-Ô10	24/12/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118658	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10636	17/10/2019			
777	Nguyễn Thanh Tuấn	16CĐ-Ô10	29/01/1997	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118659	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10637	17/10/2019			
778	Huỳnh Tiến Thành	16CĐ-Ô10	10/6/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118660	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10638	17/10/2019			
779	Đỗ Duy Thảo	16CĐ-Ô10	06/11/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118661	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10639	17/10/2019			
780	Phạm Văn Thắng	16CĐ-Ô10	08/9/1998	Nam	Kinh	Nam Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118662	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10640	17/10/2019			
781	Trần Minh Thân	16CĐ-Ô10	03/6/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118663	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10641	17/10/2019			
782	Huỳnh Trường Thiện	16CĐ-Ô10	02/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118664	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10642	17/10/2019			
783	Nguyễn Phi Thuyền	16CĐ-Ô10	27/12/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118665	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10643	17/10/2019			
784	Mai Minh Trí	16CĐ-Ô10	11/3/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118666	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10644	17/10/2019			
785	Nguyễn Tiến Triển	16CĐ-Ô10	23/11/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1118667	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10645	17/10/2019			
786	Võ Thanh Trung	16CĐ-Ô10	24/4/1998	Nam	Kinh	Bình Dương	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1118668	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10646	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
787	Đỗ Lan	Anh	16CD-MTT1	09/8/1998	Nữ	Kinh	Thanh Hoá	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118669	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10647	17/10/2019			
788	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	16CD-MTT1	17/11/1998	Nữ	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118670	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10648	17/10/2019			
789	Trần Thị Kim	Cúc	16CD-MTT1	20/7/1998	Nữ	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118671	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10649	17/10/2019			
790	Vũ Thị Cẩm	Chinh	16CD-MTT1	19/6/1998	Nữ	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118672	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10650	17/10/2019			
791	Nguyễn Thị Mỹ	Diễm	16CD-MTT1	05/7/1998	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118673	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10651	17/10/2019			
792	Trần Thị Hồng	Hạnh	16CD-MTT1	12/3/1998	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118674	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10652	17/10/2019			
793	Lê Nguyễn Mỹ	Hảo	16CD-MTT1	24/12/1997	Nữ	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118675	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10653	17/10/2019			
794	Đặng Thị Cẩm	Hằng	16CD-MTT1	02/01/1997	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118676	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10654	17/10/2019			
795	Nguyễn Thị	Hằng	16CD-MTT1	02/01/1998	Nữ	Kinh	Thanh Hoá	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118677	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10655	17/10/2019			
796	Trương Phúc	Hậu	16CD-MTT1	22/9/1998	Nam	Kinh	Trà Vinh	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118678	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10656	17/10/2019			
797	Huỳnh Thị Thúy	Hoa	16CD-MTT1	10/02/1996	Nữ	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118679	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10657	17/10/2019			
798	Nguyễn Thị Thúy	Hoa	16CD-MTT1	18/8/1997	Nữ	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118680	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10658	17/10/2019			
799	Phan Thị Kim	Hoa	16CD-MTT1	25/4/1998	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118681	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10659	17/10/2019			
800	Trương Việt	Hoàng	16CD-MTT1	24/7/1998	Nam	Kinh	Bạc Liêu	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118682	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10660	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay	
801	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	16CD-MTT1	15/5/1998	Nữ	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118683	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10661	17/10/2019			
802	Nguyễn Thị	Liều	16CD-MTT1	27/7/1998	Nữ	Kinh	Hà Nội	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118684	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10662	17/10/2019			
803	Nguyễn Thị Huyền	My	16CD-MTT1	18/5/1998	Nữ	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118685	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10663	17/10/2019			
804	Hoàng Thị Thùy	Nga	16CD-MTT1	26/5/1998	Nữ	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Giỏi	CQ	B1118686	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10664	17/10/2019			
805	Lê Thị Bích	Ngọc	16CD-MTT1	19/9/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118687	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10665	17/10/2019			
806	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16CD-MTT1	06/6/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118688	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10666	17/10/2019			
807	Bùi Thị Hồng	Nhung	16CD-MTT1	21/01/1998	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118689	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10667	17/10/2019			
808	Trần Thị Kiều	Oanh	16CD-MTT1	21/6/1998	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118690	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10668	17/10/2019			
809	Mai Thị	Phát	16CD-MTT1	21/01/1998	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118691	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10669	17/10/2019			
810	Phan Thị Ánh	Phượng	16CD-MTT1	12/01/1995	Nữ	Kinh	Nghệ An	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118692	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10670	17/10/2019			
811	Cao Thanh	Quan	16CD-MTT1	04/4/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118693	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10671	17/10/2019			
812	Trần Thị Kim	Quy	16CD-MTT1	15/9/1998	Nữ	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118694	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10672	17/10/2019			
813	Lê Thị Hồng	Quyên	16CD-MTT1	09/5/1998	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118695	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10673	17/10/2019			
814	Nguyễn Thị	Tuyết	16CD-MTT1	12/02/1998	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118696	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10674	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
815	Bạch Thị Kim	Thảo	16CD-MTT1	25/8/1997	Nữ	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118697	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10675	17/10/2019			
816	Lê Thị Thanh	Thức	16CD-MTT1	24/11/1997	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118698	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10676	17/10/2019			
817	Lê Đỗ Ngọc	Trâm	16CD-MTT1	08/4/1995	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118699	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10677	17/10/2019			
818	Phạm Thị Mỹ	Trúc	16CD-MTT1	15/5/1998	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118700	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10678	17/10/2019			
819	Bùi Thị Thanh	Vy	16CD-MTT1	01/6/1998	Nữ	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118701	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10679	17/10/2019			
820	Lê Hoàng Yến	Xuân	16CD-MTT1	11/9/1998	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Giỏi	CQ	B1118702	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10680	17/10/2019			
821	Nguyễn Lê Kim	Yến	16CD-MTT1	10/10/1997	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118703	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10681	17/10/2019			
822	Nguyễn Thị Hải	Yến	16CD-MTT1	28/12/1997	Nữ	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118704	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10682	17/10/2019			
823	Nguyễn Thị	Cúc	16CD-MTT2	10/10/1997	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118705	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10683	17/10/2019			
824	Nguyễn Thị Kim	Chi	16CD-MTT2	22/4/1998	Nữ	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118706	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10684	17/10/2019			
825	Phạm Thị Thu	Hiền	16CD-MTT2	08/5/1997	Nữ	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118707	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10685	17/10/2019			
826	Nguyễn Thị	Hoài	16CD-MTT2	14/6/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118708	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10686	17/10/2019			
827	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	16CD-MTT2	15/9/1998	Nữ	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118709	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10687	17/10/2019			
828	Phan Thị Kim	Huỳnh	16CD-MTT2	01/4/1998	Nữ	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118710	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10688	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
829	Nguyễn Thị Hồng	Khuyến	16CD-MTT2	16/9/1998	Nữ	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118711	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10689	17/10/2019			
830	Nguyễn Thị Cẩm	Liên	16CD-MTT2	19/10/1998	Nữ	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118712	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10690	17/10/2019			
831	Đoàn Thị Thùy	Linh	16CD-MTT2	20/02/1998	Nữ	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118713	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10691	17/10/2019			
832	Mai Thị Thùy	Linh	16CD-MTT2	06/10/1998	Nữ	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118714	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10692	17/10/2019			
833	Lương Thị Hồng	Luyến	16CD-MTT2	20/01/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118715	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10693	17/10/2019			
834	Nguyễn Thị Ánh	Ly	16CD-MTT2	20/4/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118716	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10694	17/10/2019			
835	Nguyễn Thị	Mơ	16CD-MTT2	06/5/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118717	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10695	17/10/2019			
836	Bùi Thị Mỹ	Nương	16CD-MTT2	20/8/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118718	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10696	17/10/2019			
837	Ngô Ngọc	Ngân	16CD-MTT2	15/6/1998	Nữ	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118719	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10697	17/10/2019			
838	Trương Thị Hoài	Phấn	16CD-MTT2	02/01/1998	Nữ	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118720	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10698	17/10/2019			
839	Phan Thị Hồng	Phúc	16CD-MTT2	29/11/1998	Nữ	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118721	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10699	17/10/2019			
840	Mai Tuyết	Phụng	16CD-MTT2	03/4/1998	Nữ	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118722	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10700	17/10/2019			
841	Phan Thị Ngọc	Phương	16CD-MTT2	24/10/1997	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118723	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10701	17/10/2019			
842	Phan Thị Như	Phương	16CD-MTT2	26/11/1998	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Giỏi	CQ	B1118724	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10702	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
843	Nguyễn Thị Lệ Quyên	16CD-MTT2	31/8/1998	Nữ	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118725	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10703	17/10/2019			
844	Trần Thị Sen	16CD-MTT2	15/8/1996	Nữ	Kinh	Gia Lai	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118726	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10704	17/10/2019			
845	Nông Thị Kim Tuyền	16CD-MTT2	12/6/1998	Nữ	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118727	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10705	17/10/2019			
846	Bùi Thị Thu Thảo	16CD-MTT2	12/12/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118729	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10706	17/10/2019			
847	Nguyễn Thị Anh Thi	16CD-MTT2	12/9/1998	Nữ	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Giỏi	CQ	B1118730	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10707	17/10/2019			
848	Trần Thị Ngọc Thu	16CD-MTT2	22/7/1998	Nữ	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118731	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10708	17/10/2019			
849	Đinh Thị Phương Thủy	16CD-MTT2	20/12/1991	Nữ	Kinh	Nam Định	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118732	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10709	17/10/2019			
850	Phan Huỳnh Anh Thư	16CD-MTT2	14/3/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118733	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10710	17/10/2019			
851	Đoàn Thị Huyền Trang	16CD-MTT2	19/6/1998	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118734	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10711	17/10/2019			
852	Nguyễn Thị Thanh Trâm	16CD-MTT2	16/3/1998	Nữ	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Khá	CQ	B1118735	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10712	17/10/2019			
853	Ngô Quang Trưởng	16CD-MTT2	28/12/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118736	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10713	17/10/2019			
854	Nguyễn Thị Cẩm Vân	16CD-MTT2	16/6/1998	Nữ	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118737	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10714	17/10/2019			
855	Vũ Tường Lan Vi	16CD-MTT2	06/6/1998	Nữ	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1118738	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10715	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
856	Nguyễn Ngọc Bảo	16CĐ-TM1	10/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118739	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10716	17/10/2019			
857	Nguyễn Văn Bình	16CĐ-TM1	01/3/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118740	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10717	17/10/2019			
858	Lê Ngọc Chung	16CĐ-TM1	13/11/1997	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118741	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10718	17/10/2019			
859	Nguyễn Thành Dủ	16CĐ-TM1	04/3/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118742	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10719	17/10/2019			
860	Đặng Thái Dương	16CĐ-TM1	30/11/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118743	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10720	17/10/2019			
861	Trần Tấn Đạt	16CĐ-TM1	16/8/1996	Nam	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118744	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10721	17/10/2019			
862	Lương Gia Hải	16CĐ-TM1	08/7/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118745	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10722	17/10/2019			
863	Nguyễn Hà Anh Hào	16CĐ-TM1	26/12/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118746	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10723	17/10/2019			
864	Nguyễn Khắc Hiếu	16CĐ-TM1	01/4/1998	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118747	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10724	17/10/2019			
865	Vũ Huy Hoàng	16CĐ-TM1	22/5/1997	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118748	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10725	17/10/2019			
866	Nguyễn Văn Mạnh Hùng	16CĐ-TM1	06/11/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118749	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10726	17/10/2019			
867	Hoàng Quốc Huy	16CĐ-TM1	08/11/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118750	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10727	17/10/2019			
868	Nguyễn Trần Quốc Hưng	16CĐ-TM1	16/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118751	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10728	17/10/2019			
869	Huỳnh Trọng Hữu	16CĐ-TM1	21/3/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118752	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10729	17/10/2019			
870	Trần Đăng Khôi	16CĐ-TM1	30/12/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118753	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10730	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
871	Phan Tuấn Lộc	16CĐ-TM1	28/6/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118754	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10731	17/10/2019			
872	Lê Vĩnh Luận	16CĐ-TM1	05/01/1996	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118755	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10732	17/10/2019			
873	Lê Tấn Phát	16CĐ-TM1	04/5/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118756	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10733	17/10/2019			
874	Trần Minh Tâm	16CĐ-TM1	19/6/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118757	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10734	17/10/2019			
875	Trần Đỗ Anh Tuấn	16CĐ-TM1	27/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118758	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10735	17/10/2019			
876	Trần Hữu Thắng	16CĐ-TM1	28/9/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118759	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10736	17/10/2019			
877	Lê Hoài Thương	16CĐ-TM1	17/9/1998	Nữ	Kinh	Khánh Hoà	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118760	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10737	17/10/2019			
878	Huỳnh Tấn Trung	16CĐ-TM1	09/10/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118761	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10738	17/10/2019			
879	Nguyễn Phú Văn	16CĐ-TM1	18/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118762	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10739	17/10/2019			
880	Trương Hoài Chung	16CĐ-TM2	09/01/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118763	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10740	17/10/2019			
881	Nguyễn Anh Duy	16CĐ-TM2	11/11/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118764	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10741	17/10/2019			
882	Trần Đức Hiệp	16CĐ-TM2	28/9/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118765	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10742	17/10/2019			
883	Nguyễn Hoàng Hiếu	16CĐ-TM2	28/7/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118766	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10743	17/10/2019			
884	Nguyễn Minh Hiếu	16CĐ-TM2	19/12/1998	Nam	Kinh	Vĩnh Long	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118767	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10744	17/10/2019			
885	Trần Xuân Hóa	16CĐ-TM2	24/6/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118768	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10745	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
886	Lê Thị Thu	Huệ	16CĐ-TM2	09/6/1998	Nữ	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118769	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10746	17/10/2019			
887	Cao Quốc	Huy	16CĐ-TM2	26/4/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118770	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10747	17/10/2019			
888	Nguyễn Hoàng Minh	Huy	16CĐ-TM2	29/7/1993	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118771	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10748	17/10/2019			
889	Nguyễn Chung	Hữu	16CĐ-TM2	02/10/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118772	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10749	17/10/2019			
890	Bùi Quốc	Khánh	16CĐ-TM2	02/9/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118773	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10750	17/10/2019			
891	Hồ Thị	Mai	16CĐ-TM2	27/9/1998	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118774	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10751	17/10/2019			
892	Lê Hoàng	Nam	16CĐ-TM2	06/9/1998	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118775	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10752	17/10/2019			
893	Nguyễn Duy	Nam	16CĐ-TM2	25/11/1993	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118776	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10753	17/10/2019			
894	Nguyễn Trung	Nguyên	16CĐ-TM2	10/12/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118777	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10754	17/10/2019			
895	Tạ Ngọc	Phát	16CĐ-TM2	25/8/1998	Nam	Kinh	Kiên Giang	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118778	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10755	17/10/2019			
896	Huỳnh Thanh	Phong	16CĐ-TM2	30/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118779	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10756	17/10/2019			
897	Bùi Nhật	Quang	16CĐ-TM2	30/3/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118780	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10757	17/10/2019			
898	Trần Phương	Tây	16CĐ-TM2	10/4/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118781	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10758	17/10/2019			
899	Đỗ Hữu	Toàn	16CĐ-TM2	31/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Khá	CQ	B1118782	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10759	17/10/2019			
900	Hồ	Tú	16CĐ-TM2	08/11/1997	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Khá	CQ	B1118783	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10760	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
901	Huỳnh Công Thắng	16CĐ-TM2	01/10/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118784	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10761	17/10/2019			
902	Thái Văn Thuận	16CĐ-TM2	20/7/1998	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118785	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10762	17/10/2019			
903	Trần Hữu Thuận	16CĐ-TM2	02/8/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118786	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10763	17/10/2019			
904	Trần Việt Bảo Vương	16CĐ-TM2	11/02/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118787	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10764	17/10/2019			
905	Lê Huỳnh Tuấn An	16CĐ-TP1	20/4/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118788	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10765	17/10/2019			
906	Nguyễn Trương Thế Anh	16CĐ-TP1	27/6/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118789	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10766	17/10/2019			
907	Dương Hồng Ân	16CĐ-TP1	16/8/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Khá	CQ	B1118790	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10767	17/10/2019			
908	Đỗ Hồng Ân	16CĐ-TP1	28/02/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118791	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10768	17/10/2019			
909	Lê Quốc Bảo	16CĐ-TP1	21/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118792	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10769	17/10/2019			
910	Lương Xuân Diệu	16CĐ-TP1	10/10/1996	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118793	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10770	17/10/2019			
911	Hà Vũ Đạt	16CĐ-TP1	08/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118794	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10771	17/10/2019			
912	Phạm Văn Đồng	16CĐ-TP1	01/7/1996	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Khá	CQ	B1118795	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10772	17/10/2019			
913	Nguyễn Đăng Tuấn Hải	16CĐ-TP1	01/8/1998	Nam	Kinh	Bình Phước	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118796	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10773	17/10/2019			
914	Chu Văn Hạnh	16CĐ-TP1	19/4/1998	Nam	Kinh	Đắk Nông	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Khá	CQ	B1118797	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10774	17/10/2019			
915	Đoàn Vũ Thanh Hòa	16CĐ-TP1	03/3/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118798	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10775	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
916	Trần Vinh Minh	16CĐ-TP1	20/9/1998	Nam	Hoa	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118799	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10776	17/10/2019			
917	Lê Nhật Nam	16CĐ-TP1	25/8/1995	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Khá	CQ	B1118800	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10777	17/10/2019			
918	Cao Thị Nguyệt	16CĐ-TP1	22/11/1993	Nữ	Kinh	Hải Phòng	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Khá	CQ	B1118801	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10778	17/10/2019			
919	Huỳnh Thiên Phúc	16CĐ-TP1	01/11/1996	Nam	Kinh	Bình Dương	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118802	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10779	17/10/2019			
920	Trần Minh Sáng	16CĐ-TP1	12/11/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118803	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10780	17/10/2019			
921	Nguyễn Ty Sơn	16CĐ-TP1	29/8/1997	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118804	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10781	17/10/2019			
922	Nguyễn Minh Tân	16CĐ-TP1	14/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Khá	CQ	B1118805	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10782	17/10/2019			
923	Phạm Anh Tuấn	16CĐ-TP1	11/8/1996	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118806	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10783	17/10/2019			
924	Nguyễn Chí Thiện	16CĐ-TP1	02/11/1998	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118807	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10784	17/10/2019			
925	Giang Thiên Bảo	16CĐ-TW1	17/6/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118808	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10785	17/10/2019			
926	Lê Mỹ Hà	16CĐ-TW1	18/11/1996	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118809	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10786	17/10/2019			
927	Huỳnh Lâm Hào	16CĐ-TW1	30/4/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Khá	CQ	B1118810	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10787	17/10/2019			
928	Trần Anh Hào	16CĐ-TW1	26/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118811	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10788	17/10/2019			
929	Trịnh Mạnh Hùng	16CĐ-TW1	24/9/1998	Nam	Kinh	Hưng Yên	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118812	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10789	17/10/2019			
930	Dương Lê Quốc Huy	16CĐ-TW1	10/9/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118813	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10790	17/10/2019			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
931	Phan Thị Thu	Huyền	16CĐ-TW1	03/4/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118814	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10791	17/10/2019			
932	Vòng Bing	Kiệt	16CĐ-TW1	31/10/1998	Nam	Hoa	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118815	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10792	17/10/2019			
933	Huỳnh Lê	Khoa	16CĐ-TW1	20/5/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118816	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10793	17/10/2019			
934	Lê Hồng	Khương	16CĐ-TW1	07/12/1996	Nam	Kinh	Thanh Hoá	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118817	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10794	17/10/2019			
935	Phạm Thị	Lan	16CĐ-TW1	30/12/1998	Nữ	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118818	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10795	17/10/2019			
936	Nguyễn Hoàng	Long	16CĐ-TW1	25/02/1998	Nam	Kinh	Vĩnh Long	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118819	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10796	17/10/2019			
937	Vòng Tự	Long	16CĐ-TW1	22/8/1998	Nam	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118820	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10797	17/10/2019			
938	Phạm	Lộc	16CĐ-TW1	17/11/1995	Nam	Kinh	Nam Định	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118821	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10798	17/10/2019			
939	Nguyễn Văn	Nam	16CĐ-TW1	01/5/1996	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118822	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10799	17/10/2019			
940	Phạm Hải	Nam	16CĐ-TW1	29/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118823	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10800	17/10/2019			
941	Võ Trương Hoài	Nam	16CĐ-TW1	02/5/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118824	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10801	17/10/2019			
942	Trịnh Ngọc	Nhi	16CĐ-TW1	05/11/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118825	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10802	17/10/2019			
943	Đỗ Tấn	Phát	16CĐ-TW1	05/8/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Khá	CQ	B1118826	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10803	17/10/2019			
944	Phạm Hữu	Phong	16CĐ-TW1	30/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118827	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10804	17/10/2019			
945	Hoàng Minh	Quý	16CĐ-TW1	22/01/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118828	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10805	17/10/2019			

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
946	Phan Thanh Quý	16CĐ-TW1	25/9/1998	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118829	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10806	17/10/2019			
947	Đặng Hoàng Tâm	16CĐ-TW1	06/02/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118830	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10807	17/10/2019			
948	Trần Văn Toàn	16CĐ-TW1	23/8/1993	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118831	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10808	17/10/2019			
949	Văn Hoàng Tuấn	16CĐ-TW1	22/02/1998	Nam	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118832	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10809	17/10/2019			
950	Nguyễn Huỳnh Thanh Tùng	16CĐ-TW1	16/7/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118833	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10810	17/10/2019			
951	Phạm Xuân Thành	16CĐ-TW1	08/02/1997	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118834	1195/QĐ-LTT-ĐT ngày 10/10/2019	10811	17/10/2019			
952	Đoàn Hoàng Thắng	16CĐ-TW1	05/11/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118835	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10812	17/10/2019			
953	Nguyễn Bá Thịnh	16CĐ-TW1	23/02/1997	Nam	Kinh	Đắk Nông	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118836	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10813	17/10/2019			
954	Nguyễn Duy Thức	16CĐ-TW1	13/12/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118837	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10814	17/10/2019			
955	Lê Minh Trung	16CĐ-TW1	01/6/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118838	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10815	17/10/2019			
956	Huỳnh Quốc Trưởng	16CĐ-TW1	22/6/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118839	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10816	17/10/2019			
957	Lê Thanh Vũ	16CĐ-TW1	09/01/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1118840	946/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/8/2019	10817	17/10/2019			

Tổng cộng danh sách có 957 sinh viên.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc